

THAM KHẢO PHẦN 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP

1.1.1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình lâu dài.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được “vũ trang ” bằng tư tưởng Hồ Chí Minh. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã thông qua các văn kiện làm thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh này thể hiện những nội dung rất cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua các giai đoạn thử thách từ sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 và khi Hồ Chí Minh về nước đầu năm 1941 đã được khẳng định, đưa vào trong đường lối, chủ trương của Đảng. Việc nhận thức về quan điểm của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của Người đối với quá trình phát triển của dân tộc từ sau khi thành lập Đảng là một quá trình không đơn giản. Đã có sự hiểu sai từ Quốc tế Cộng sản và từ cả một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương do họ bị chịu ảnh hưởng rất mạnh từ đường lối, quan điểm tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) trên vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng ở những nước thuộc địa. Nhưng, dần dần, thực tế đã chứng minh cho sự đúng đắn của những quan điểm của Hồ Chí Minh và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng, cho nên tư tưởng Hồ Chí Minh đã dần dần được khẳng định lại. Đại hội II của Đảng (2-1951) nêu rõ: "Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch...Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức

*cách mạng của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy, là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn"*¹.

Hồ Chí Minh còn được tôn vinh là “Anh hùng dân tộc vĩ đại”. Hồ Chí Minh qua đời ngày 2-9-1969 tại Nhà 67 trong Phủ Chủ tịch (Hà Nội). Điều văn của Ban Chấp hành

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, 1.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 9.

Trung ương Đảng được đọc sáng ngày 9-9-1969 tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trong đó nêu rõ: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”². Như vậy là, lần đầu tiên trong một văn kiện của Đảng, Trung ương Đảng đánh giá Hồ Chí Minh là “*Anh hùng dân tộc vĩ đại*”. Tiếp nối sự đánh giá ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đánh giá: “Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế”³. Tiếp theo, tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng nhấn mạnh: “Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng”⁴.

Ở bình diện quốc tế, nhiều đảng chính trị, nhiều quốc gia, nhiều tổ chức, cá nhân đánh giá rất cao phẩm chất và vai trò của Hồ Chí Minh đối với quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam cũng như đối với quá trình phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại. Một trong số tổ chức quốc tế đó là Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (Viết tắt tiếng Anh là UNESCO: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization), tại Khóa họp Đại Hội đồng UNESCO lần thứ 24 tại Pari, từ ngày 20-10-1987 đến ngày 20-11-1987, đã ra Nghị quyết số 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đó có “Nhắc lại Quyết định số 18C/4.351 thông qua tại Khóa 18 Đại Hội đồng UNESCO về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân và việc kỷ niệm các sự kiện lịch sử đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại” và ghi nhận “việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh các nhân vật trí thức lỗi lạc và các danh nhân văn hóa trên phạm vi quốc tế góp phần thực hiện các mục tiêu của UNESCO và đóng góp vào sự hiểu biết trên thế giới”, trên cơ sở đó “Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, 2011, tr. 627.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.474.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tập 3, tr.61.

phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”⁵.

Đến thời điểm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6 và 7-1991), Hồ Chí Minh đã qua đời 22 năm và sự nghiệp đổi mới của đất nước đã diễn ra được 5 năm. Thực tế sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và của những năm đổi mới nói riêng đã chứng tỏ rằng, không những chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn là tư tưởng Hồ Chí Minh nữa, đã trở thành yếu tố chỉ đạo làm nên thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, một trong những điểm mới đáng chú ý của Đại hội VII của Đảng là Đảng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội VII của Đảng đã khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”⁶. Đại hội nêu rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng ta và của cả dân tộc”⁷. Việc khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cũng đã được ghi nhận trong hai văn kiện nữa rất quan trọng của Đảng và Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII năm 1991 thông qua (bổ sung, phát triển năm 2011) và trong *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 1992.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001), Đảng đã nêu lên khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đầy đủ hơn so với Đại hội VII: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”⁸.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4-2006), khi đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh, đã nhận định: “Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi

⁵ Xem GS,TS Mạch Quang Thắng, PGS,TS Bùi Đình Phong, TS Chu Đức Tính (Đồng Chủ biên): “*UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.71-72.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.83.

mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau”⁹. Các Đại hội đại biểu toàn quốc tiếp nối về sau của Đảng cũng luôn khẳng định công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và khẳng định tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là những nhân tố không thể thiếu trong tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) nhấn mạnh rằng, phải “kiên định chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”¹⁰.

Nhìn chung lại, có nhiều cách tiếp cận để nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011), Đảng khẳng định: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân

loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”¹.

Khái niệm trên đây chỉ rõ nội hàm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành cũng như ý nghĩa của tư tưởng đó. Cụ thể là:

- Đã nêu rõ bản chất cách mạng, khoa học và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.

- Đã nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác- Lênin, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Đã nêu lên ý nghĩa cực kỳ quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh bởi vì tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.6 - 7.

¹⁰Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.199.

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu, học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

Đối tượng nghiên cứu, học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là toàn bộ những quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện trong di sản mà Người để lại. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về sự phát triển của dân tộc Việt Nam và đối với sự phát triển văn minh, tiến bộ của nhân loại. Hệ thống quan điểm đó của Hồ Chí Minh phản ánh trong những bài nói, bài viết của Người, trong hoạt động cách mạng và trong cuộc sống hằng ngày của Người. Đó là những vấn đề lý luận và thực tiễn được rút ra từ cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh cho sự nghiệp giải phóng không những ở tầm dân tộc Việt Nam mà còn ở tầm thế giới: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Đối tượng nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là quá trình vận động của hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về sự phát triển của dân tộc Việt Nam và đối với sự phát triển văn minh, tiến bộ của nhân loại, hay

nói cách khác, đó là quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Cũng như Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và của thời đại, quá trình hiện thực hóa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh cũng là quá trình vận dụng sáng tạo và phát triển hệ thống quan điểm đó trong điều kiện mới.

1.1.3. Vị trí của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu tạo trong hệ thống năm môn học lý luận chính trị của các trường đại học của Việt Nam (Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị học Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh). Giữa các môn học đó có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Mối quan hệ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với các môn học với tư cách là

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin là Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học là mối quan hệ giữa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh với cơ sở của nó. Tư tưởng Hồ Chí Minh có một cơ sở cực kỳ quan trọng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng yêu nước truyền thống của Hồ Chí Minh đã hội nhập được với lý luận phát triển của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lênin. Không có yếu tố “Chủ nghĩa Mác-Lênin” thì không thể có “Tư tưởng Hồ Chí Minh”. Nói một cách khác, nếu Hồ Chí Minh không tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin thì không có tư tưởng mang tên Hồ Chí Minh. Nếu tách rời hoặc đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin thì hoàn toàn không đúng về mặt lý luận và cả về mặt thực tiễn. Hồ Chí Minh là người vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng. Do đó, chính thể làm nên hệ tư tưởng của cách mạng Việt Nam phải là cả hai: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác-Lênin không là tất cả thành phần làm nên chủ thuyết phát triển của cách mạng Việt Nam và chỉ riêng tư tưởng Hồ Chí Minh thôi cũng thế. Hai thành phần này là không thể thiếu và quan hệ chặt chẽ với nhau trong lý luận chính trị soi đường phát triển của dân tộc Việt Nam.

Trong mối liên quan với môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thì môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh càng có quan hệ chặt chẽ hơn. Bởi vì:

Một là, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh là người tìm đường, người mở đường và là người dẫn đường cho cách mạng Việt Nam phát triển; trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp; là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản; người thay mặt Quốc tế Cộng sản triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930; là Chủ tịch Đảng từ tháng 2-1951 đến khi từ trần tháng 9-1969.

Hai là, Hồ Chí Minh không những là người sáng lập, mà còn là người rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để Đảng luôn luôn là xứng đáng là Đảng mácxít

- lêninnít, luôn luôn trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực lãnh đạo, cầm quyền (từ tháng 9-1945 Đảng trở thành Đảng cầm quyền), có sức chiến đấu mạnh mẽ trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong sự nghiệp giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng dẫn đường cho cách mạng Việt Nam, thể hiện trong cương lĩnh chính trị,

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

đường lối, chủ trương của Đảng cũng như thể hiện trong quá trình hoạt động thực tiễn của Đảng qua các thời giai đoạn, thời

kỳ.

Ba là, do vậy, toàn bộ lịch sử ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh. Đề cập lịch sử hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam không thể không đề cập vai trò của Hồ Chí Minh cũng như đề cập tiểu sử và sự nghiệp của Hồ Chí Minh không thể không đề cập vai trò của Đảng đối với bản thân cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Song, tư tưởng Hồ Chí Minh có đối tượng nghiên cứu riêng như đã đề cập ở mục bên trên, cho nên môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học riêng cùng với môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm thành các môn học lý luận chính trị ở các trường cao đẳng, đại học Việt Nam.

Như vậy, để nghiên cứu, học tập tốt môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, rất cần thiết phải nghiên cứu, học tập các môn học thuộc ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời phải nghiên cứu, học tập tốt môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, coi đó là điều kiện để có thể nghiên cứu, học tập tốt môn học này.

1.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP

1.2.1. Cơ sở phương pháp luận

Giá trị lâu bền nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở phương pháp luận, ở bản chất vấn đề mà Người nêu lên. Phương pháp luận Hồ Chí Minh nằm trong phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác - Lênin, được hình thành và phát triển qua quá trình hoạt động cách mạng của Người. Phương pháp luận đó chỉ đạo các phương pháp suy nghĩ và hành động trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Hồ Chí Minh sống và hoạt động cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và cuối cùng đi đến giải phóng con người. Dưới đây là một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.21.1. Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học

Nội dung chủ yếu của phương pháp luận này là ở chỗ phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, quán triệt cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức và phân tích

những quan điểm của Hồ Chí Minh. Đồng thời với yêu cầu đó, phải bảo đảm tính khách quan, khoa học của các luận đề nêu ra. Sự kết hợp chặt chẽ giữa tính đảng và tính khoa học là một nguyên tắc rất cơ bản trong phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh việc phủ định và cường điệu hóa tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ trên cơ sở thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học, người nghiên cứu, học tập mới hiểu rõ và hiểu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa nhân văn. Việc phát hiện vai trò và sức mạnh to lớn của nhân dân không phải là công lao đầu tiên của những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, và ở Việt Nam cũng không phải là sự phát hiện đầu tiên của Hồ Chí Minh. Chỉ có điều các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học và Hồ Chí Minh thấy rõ hơn vai trò và sức mạnh đó, coi đó là động lực của sự phát triển để hướng tới xây dựng một xã hội cộng sản, và rồi với ý nghĩa đó, giải phóng cho con người theo chủ nghĩa nhân văn mácxít. Đó là mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản. Ở xã hội cộng sản, mà Hồ Chí Minh đã ghi thành mục tiêu của cách mạng Việt Nam khi xác lập cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, thì con người được giải phóng khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, con người làm chủ xã hội, ở đó con người sống trong tự do thật sự. Cho nên vấn đề có tính phương pháp luận Hồ Chí Minh là ở chỗ, mọi suy nghĩ và hành động, mọi lúc, mọi nơi, người cách mạng đều phải hướng tới mục tiêu giải phóng đó. Mọi công cuộc giải phóng trước đó đều chỉ là mục tiêu của từng chặng đường. Chỉ có con người được giải phóng toàn diện, thì đó mới thực sự là mục tiêu cuối cùng và cao cả nhất. Chính vì thế, thước đo *duy nhất* để nhận rõ hiệu quả tư duy và hành động của người cách mạng, của tổ chức cách mạng Việt Nam là ở chỗ tư duy và hành động đó có đưa lại quyền lợi chính đáng cho nhân dân hay không. Mọi suy nghĩ và hành động trái với lợi ích đó đều là những yếu tố có tính chất đi ngược lại với nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh.

1.2.1.2. Bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Ở Hồ Chí Minh, tư duy và hành động kết hợp một cách nhuần nhuyễn với nhau, lý luận và thực tiễn luôn luôn đi cùng nhau, trong lý luận có chất thực tiễn đóng kết ở đó và trong thực tiễn có sự chỉ đạo của lý luận. Chính vì thế, trong di sản của Hồ Chí Minh, người nghiên cứu, học tập thường thấy Người hay nêu lên những cặp chỉnh thể như học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm, lý luận kết hợp với thực tiễn, v.v.

Hồ Chí Minh vừa coi trọng lý luận vừa coi trọng thực tiễn vì thực tiễn khái quát nên lý luận và chính lý luận lại chỉ đạo thực tiễn. Đây là vòng xoáy của hai yếu tố luôn

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

luôn tương tác nhau để làm cho chúng ngày càng hoàn thiện. Ở Hồ Chí Minh, chúng ta thấy không có sự tuyệt đối hóa mặt nào giữa chúng. Thậm chí, nhìn xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh thì trong lý luận đã có thực tiễn, trong thực tiễn đã có lý luận, chúng như hình với bóng; chỉ khi muốn nghiên cứu thật sâu với tư cách là một yếu tố chuyên biệt thì chúng ta mới có thể cắt lát riêng ra, nhưng việc cắt lát riêng ra cũng chỉ là tạm thời trong một động thái nào đó của thao tác nghiên cứu mà thôi, còn về bản chất của nội dung phương pháp luận này là sự thống nhất biện chứng.

1.2.1.3. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Cùng với chủ nghĩa duy vật biện chứng, cần vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong vấn đề phương pháp luận này, cần vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về mối liên hệ biện chứng khi xem xét sự vật và hiện tượng trong mối liên hệ lịch sử căn bản, xem sự vật, hiện tượng đó đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào; đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào. Nếu nắm vững quan điểm này, người nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ nhận thức được bản chất tư tưởng đó mang đậm dấu ấn của quá trình phát triển lịch sử, quá trình phát triển sáng tạo, đổi mới.

1.2.1.4. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, có quan hệ thống nhất biện chứng nội tại của nó. Một yêu cầu về lý luận khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các bộ phận khác nhau trong sự gắn kết tất yếu của hệ thống tư tưởng đó xung quanh hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một tổng thể vận động với những cái chung và cả những cái riêng, trong sự vận động cụ thể của điều kiện hoàn cảnh nhất định nào đó và xem xét chúng trong xu thế chung. Vì coi tính bao quát là một nguyên tắc tư duy và hành động, như là một phương pháp luận, cho nên Hồ Chí Minh xem xét cách mạng Việt Nam trong quan hệ tổng thể với cách mạng thế giới. Trong khi nhìn bao quát, phương pháp luận này còn chỉ rõ điểm nhấn, bộ phận nào có tính trọng điểm để hướng

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

hành động một cách tập trung ưu tiên vào đó. Trọng điểm này có khi không phải là trọng điểm của cả một quá trình dài mà chỉ là trọng điểm của một giai đoạn, một thời kỳ nào đó mà thôi. Phương pháp luận này chỉ dẫn cho những người nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết một cách biện chứng, đúng đắn một loạt các mối quan hệ trong tiến trình cách mạng Việt Nam mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện; chẳng hạn, đó là mối quan hệ rất trọng yếu trong cách mạng Việt Nam là giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp qua các thời kỳ; đồng thời, Hồ Chí Minh đã tìm thấy các điểm tương đồng, từ đó nhận các điểm tương đồng, hạn chế các điểm khác biệt trong các giai cấp, tầng lớp của xã hội Việt Nam để tạo ra lực lượng cách mạng tổng hợp đấu tranh giành thắng lợi.

1.2.1.5. Quan điểm kế thừa và phát triển

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện lịch sử mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một trạng thái vận động không ngừng. Đó là một quá trình giải phóng mọi trở lực, trở lực bên ngoài, trở lực bên trong, thậm chí trở lực nằm ngay trong mỗi con người, để phát triển bền vững. Phương pháp luận Hồ Chí Minh về điểm này là ở chỗ con người phải luôn luôn thích nghi với mọi hoàn cảnh. Muốn thích nghi, phải luôn luôn tự đổi mới để phát triển. Quá trình phát triển là quá trình phủ định cái cũ, nhân lên yếu tố mới, đó cũng là quá trình luôn luôn giải phóng, giải phóng mọi sự ràng buộc lạc hậu để bắt kịp những cái tiên tiến, tiến bộ.

1.2.2. Một số phương pháp cụ thể

"Phương pháp là toàn bộ những cách thức với tính chất là một hệ thống các nguyên tắc xuất phát từ các quy luật tồn tại và vận động của đối tượng, khách thể đã được nhận thức, để định hướng và điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người, nhằm tác động vào đối tượng, khách thể để thực hiện mục đích đã định"¹¹.

Có thể nêu một số phương pháp chủ yếu thường được sử dụng để nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh:

¹¹ Trong nhiều khái niệm về phương pháp, chúng tôi cho rằng, tập thể tác giả của cuốn sách do Giáo sư Đặng Xuân Kỳ làm Chủ biên là phù hợp hơn cả. Xem Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.24-25.

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

Phương pháp logic. Phương pháp này nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được bản chất vốn có của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận. Muôn vàn sự kiện, sự vật và hiện tượng đều có mối dây liên hệ bản chất, vì thế giữa chúng có logic tất yếu, cần nhận biết rõ.

Phương pháp lịch sử. Phương pháp này nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến hệ quả của nó. Ở đây, phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng là cách vận dụng sát hợp với nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoài việc sử dụng riêng rẽ hai nghiên cứu trên đây, rất cần thiết phải kết hợp sử dụng kết hợp phương pháp logic và phương pháp lịch sử.

Phương pháp liên ngành. Hồ Chí Minh thể hiện tư tưởng của mình thông qua nhiều lĩnh vực như tư tưởng chính trị, tư tưởng triết học, tư tưởng kinh tế, tư tưởng quân sự, tư tưởng văn hóa, v.v. Vì vậy, trong nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp liên ngành cần được sử dụng để nghiên cứu, học tập toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như mỗi tác phẩm lý luận riêng biệt của Người.

Để việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đạt được trình độ khoa học ngày một cao hơn, cần đổi mới và hiện đại hóa các phương pháp nghiên cứu cụ thể trên cơ sở không ngừng phát triển và hoàn thiện về lý luận và phương pháp luận khoa học nói chung. Ngoài các phương pháp nêu trên, cần thiết phải sử dụng cả các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học, v.v. Những phương pháp nghiên cứu, học tập cụ thể được sử dụng cần xuất phát từ yêu cầu nghiên cứu, học tập nội dung cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cần kết hợp nghiên cứu, học tập các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh. Nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, đương nhiên trước hết phải dựa vào những tác phẩm của Người đã để lại. Nhưng, di sản tinh thần quý báu của Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam không chỉ là những tác phẩm đó, mà còn ở toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người, những vấn đề phản ánh qua cuộc sống hằng ngày của Người. Thực tiễn chỉ đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là một bộ phận cực kỳ quan trọng làm nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh. Có nhiều nội dung phản ánh tư tưởng Hồ Chí Minh không ở

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

trong văn bản mà là ở trong chỉ đạo thực tiễn của chính bản thân Hồ Chí Minh; đồng thời phản ánh qua hoạt động của các đồng chí, qua học trò của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những có vai trò quan trọng ở thời kỳ Hồ Chí Minh sống, mà kể cả khi Người đã qua đời, tư tưởng đó còn có vai trò soi sáng cho con đường đi đến mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những có trong hành trang của dân tộc Việt Nam thế kỷ XX mà còn đi với dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XXI và các thế kỷ tiếp theo; không những góp phần thúc đẩy sự phát triển tiến bộ, văn minh của nhân loại trong những thời kỳ trước đây mà còn cả trong tương lai.

1.3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên Việt Nam rất quan trọng và cần thiết trong mục tiêu đào tạo và trong hệ thống chương trình toàn khóa.

Mục tiêu của môn học này là trang bị những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; từ đó góp phần hình thành nhân sinh quan, thế giới quan cho sinh viên.

Về kỹ năng, qua nghiên cứu, học tập môn học này, sinh viên có được tư duy và kỹ năng phân tích lý luận - thực tiễn về các vấn đề đặt ra trong cuộc sống một cách đúng đắn.

Về tinh thần, thái độ, môn học này sẽ giúp cho sinh viên thấy rõ hơn công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam.

Sau đây là những điểm cụ thể cần nhấn mạnh:

1.3.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

Với ý nghĩa cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin làm thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là những chỉ dẫn về lý luận và thực tiễn hành động cho những người Việt Nam yêu nước. Sinh viên học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có tác dụng củng cố cho bản thân mình về lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin,

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực tư duy lý luận của con người là điều rất cần thiết để giúp con người giải quyết được nhiều yêu cầu do cuộc sống đặt ra. Năng lực đó được hình thành và phát triển từ nhiều nguồn, trải qua nhiều giai đoạn của cuộc sống, nhưng giai đoạn đang nghiên cứu, học tập ở trường cao đẳng, đại học rất quan trọng, nó gắn với tuổi trẻ của con người. Hơn nữa, tri thức và kỹ năng của sinh viên hình thành và phát triển qua nghiên cứu học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là những yếu tố bồi đắp

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến

năng lực lý luận để chỉ dẫn hành động rất quan trọng để trở thành một công dân có ích cho xã hội Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu cao cả: Xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thực hiện lời mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh mà Người đã ghi vào bản *Di chúc* ngày 15-5-1965: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹.

1.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Qua nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có điều kiện hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, trong đó đặc biệt là tư tưởng của Người, học tập gương sáng của một con người suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, lãnh tụ của Đảng, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tiến bộ giữa các dân tộc trên thế giới. Sinh viên nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có điều kiện tốt trau dồi phẩm chất đạo đức mới, đạo đức cách mạng để lập thân, lập nghiệp, sống có ích cho xã hội, yêu và làm những điều thiện, ghét cái xấu, cái ác; nâng cao lòng tự hào về đất nước Việt Nam, về chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nguyện "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Thông qua việc nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên sẽ nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định ý thức và trách nhiệm công dân của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, vững bước trên con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

1.3.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Qua nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập, tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng người, từng địa bàn. Sinh viên có thể vận dụng xây dựng phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt phù hợp với từng lúc, từng nơi, theo phương châm mà Hồ Chí Minh đã nêu: Dĩ bất biến ứng vạn biến.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có tác dụng góp phần giáo dục sinh viên tiếp tục hình thành và hoàn thiện nhân cách để ngày càng cao đẹp hơn, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, góp phần làm cho đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như khát vọng của Hồ Chí Minh và của

Tài liệu đang trong quá trình xin ý kiến góp ý để hoàn thiện. Không phổ biến
mỗi người Việt Nam yêu nước.

Chương 2

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1.1. Cơ sở khách quan

Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

Thực tiễn thế giới cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX

Vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, Chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Các nước đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Ý, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan, v.v. đã chi phối toàn bộ tình hình thế giới. Phần lớn các nước châu Á, châu Phi, và Mỹ Latinh đã trở thành thuộc địa và phụ thuộc của các nước đế quốc.

Tình hình đó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có trong lòng chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản ở các nước tư bản; mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau; mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, sang đầu thế kỷ XX, mâu thuẫn này ngày càng phát triển gay gắt. Giành lại độc lập cho các dân tộc thuộc địa không chỉ là đòi hỏi của riêng họ, mà còn là mong muốn chung của giai cấp vô sản quốc tế đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.

Cách mạng Tháng Mười thành công là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước lớn là Liên Xô, rộng một phần sáu thế giới. Cách mạng Tháng Mười đã đánh đổ giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến địa chủ, lập nên một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng Tháng Mười thắng lợi mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức và cả loài người, mở ra một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Ngày 2-3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời ở Mátxcova. Dưới sự lãnh đạo của Lênin, Quốc tế Cộng sản đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười ra khắp thế giới, thúc đẩy sự ra đời và hoạt động ngày càng mạnh mẽ của các đảng cộng sản ở nhiều nước.

Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, sự ra đời của nhà nước Xô viết, Quốc tế Cộng

sản với sự phát triển mạnh mẽ phong trào công sản, công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trên hành trình đi ra thế giới đi tìm đường cứu nước.

2.1.1.2. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Trước sự lạc hậu, suy yếu của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, từ năm 1858, đế quốc Pháp bắt đầu tiến hành xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng, từng bước trở thành tay sai của thực dân Pháp.

Từ 1858 đến cuối thế kỉ XIX, các phong trào đấu tranh yêu nước chống pháp xâm lược liên tục nổ ra. Ở miền Nam có các cuộc khởi nghĩa của Trương Định; của Nguyễn Trung Trực. Ở miền Trung có các cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Thai Mai; của Phan Đình Phùng. Ở miền Bắc có các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật; của Phạm Bành và Đinh Công Tráng; của Nguyễn Quang Bích; của Hoàng Hoa Thám, v.v... Các cuộc khởi nghĩa, trong đó có những cuộc dưới ngọn cờ "Cần Vương" tức giúp vua cứu nước, tuy đều rất anh dũng, nhưng cuối cùng đều thất bại. Điều đó chứng tỏ nhân dân ta rất yêu nước. Song, giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng của nó đã suy tàn, bất lực trước nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc.

Đến năm 1887, sau khi đã hoàn thành căn bản việc bình định Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp bắt tay vào khai thác thuộc địa Việt Nam một cách mạnh mẽ và từng bước biến nước ta từ một nước phong kiến thành nước *thuộc địa, nửa phong kiến*.

Thực dân Pháp vẫn duy trì nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với khoảng 95% dân số là nông dân; giai cấp địa chủ được bổ sung, củng cố, tăng cường thêm các điền chủ người Pháp và nước ngoài. Bên cạnh tầng lớp thợ thủ công, tiểu thương, trong xã hội Việt Nam xuất hiện *những giai tầng mới*. Đó là giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở thành thị. Từ đó, bên cạnh mâu thuẫn cơ bản trong xã hội phong kiến là nông dân với địa chủ phong kiến, xuất hiện các mâu thuẫn mới. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp tư sản. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Từ các biến đổi trên, đến đầu thế kỷ XX, trước ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách, của cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc và tấm gương Duy Tân Nhật Bản, ở nước ta xuất hiện các phong trào yêu nước theo *khuyên hướng dân chủ tư sản* với sự dẫn dắt của các sĩ phu yêu nước có tinh thần cải cách. *Phong trào Đông Du* do Phan Bội Châu khởi xướng (1905-1909). *Phong trào Duy Tân* do Phan Châu Trinh phát động năm 1906 đến năm 1908 thì kết thúc. *Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục* do Lương văn Can,

Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác phát động từ tháng 3-1907 đến tháng 11- 1907. *Phong trào chống đi phu, chống sưu thuế ở Trung kỳ năm 1908.*

Các Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản nói trên đều thất bại. Nguyên nhân sâu xa là giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu. Nguyên nhân trực tiếp là các tổ chức và người lãnh đạo của các phong trào đó chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn. Tinh thần yêu nước vẫn âm ỷ sục sôi trong lòng nhân dân. Song, cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc. Xuất hiện câu hỏi từ thực tiễn đó đặt ra là: Cứu nước bằng con đường nào mới có thể đi đến thắng lợi?

Trong bối cảnh đó, sự ra đời giai cấp mới là giai cấp công nhân, và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta xuất hiện "dấu hiệu mới" của một thời đại mới sắp ra đời.

Cuối thế kỷ XIX , ở Việt Nam đã có tầng lớp công nhân, nhưng lúc đó mới chỉ là một lực lượng ít ỏi, không ổn định. Đầu thế kỷ XX, công nhân phát triển hơn và trở thành một giai cấp ngay từ trước chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918.

Công nhân Việt Nam chịu 3 tầng áp bức bóc lột: thực dân, tư bản, phong kiến. Họ sớm vùng dậy đấu tranh chống lại giới chủ. Từ hình thức đấu tranh thô sơ như đốt lán trại, bỏ trốn tập thể, họ đã nhanh chóng tiến tới đình công, bãi công.

Giai cấp công nhân đã gan góc nhất trong cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân Pháp. Phong trào công nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX và các phong trào yêu nước là mảnh đất tốt để lý luận cách mạng mới của chủ nghĩa Mác-Lênin nảy mầm, ra hoa kết trái. Chính Hồ Chí Minh là người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước hoàn thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Các tiền đề tư tưởng, lý luận

Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Đó là động lực, sức mạnh giúp cho dân tộc Việt Nam tồn tại vượt qua mọi khó khăn trong dựng nước và giữ nước mà phát triển. Chính chủ nghĩa yêu nước là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực thúc đẩy Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin con đường cứu nước, cứu dân.

Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát triển tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất

vì độc lập, tự do của Tổ quốc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Lãnh đạo Cách mạng Tháng tám năm 1945 thành công, trong ánh hùng văn dựng nước *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁷. Không có gì quý hơn độc lập tự do - Chân lý lớn của thời đại được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, đồng thời cũng chính là một điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ đất nước, Hồ Chí Minh hết sức chú trọng kế thừa, phát triển một nội dung cơ bản trong chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là *Yêu nước gắn liền với yêu dân, có tinh thần đoàn kết, dân chủ, nhân ái, khoan dung trong cộng đồng và hòa hiếu với các dân tộc lân bang*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của cách mạng. Nước lấy dân làm gốc. Gốc có vững cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân. Đại đoàn kết dân tộc gắn liền với đại đoàn kết quốc tế là một nguyên tắc chiến lược quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thường trực một niềm tự hào về lịch sử, trân trọng nền văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán và những truyền thống tốt đẹp khác của dân tộc. Đó chính là một cơ sở hình thành nên tư tưởng, phẩm chất của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh với chủ trương văn hóa là mục tiêu, động lực của cách mạng; Cần giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hoá mới của Việt Nam; Và, chính Hồ Chí Minh là một biểu tượng cao đẹp của sự tích hợp tinh hoa văn hóa Phương Đông và Phương Tây. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam Hồ Chí Minh còn chú ý khơi dậy và phát huy một số giá trị truyền thống tốt đẹp khác của dân tộc Việt Nam trong hoạch định đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam.

Tinh hoa văn hoá nhân loại

- *Tinh hoa văn hoá Phương Đông*

Tinh hoa văn hoá, tư tưởng phương Đông kết tinh trong 3 học thuyết lớn Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo. Đó là những học thuyết có ảnh hưởng sâu rộng ở Phương Đông, và ở nước ta trước đây.

Đối với Nho giáo, Hồ Chí Minh phân tích: "Tuy Không Tử là phong kiến và tuy

trong học thuyết của Không Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học. "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại". Lênin dạy chúng ta như vậy"¹.

Hồ Chí Minh chú ý kế thừa và đổi mới tư tưởng dùng nhân trị, đức trị để quản lý xã hội. Kế thừa và phát triển quan niệm của Nho giáo về việc xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đặc biệt, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, đổi mới, phát triển tinh thần trọng đạo đức của Nho giáo trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người; trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

Đối với *Phật giáo*, Hồ Chí Minh chú trọng kế thừa, phát triển tư tưởng vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; đề cao quyền bình đẳng của con người và chân lý; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với đất nước của Đạo Phật. Những quan điểm tích cực đó trong triết lý của Đạo Phật được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo để đoàn kết đồng bào theo Đạo Phật, đoàn kết *toàn dân vì nước Việt Nam Hòa bình, Thống nhất, Độc lập, Dân chủ và Giàu mạnh*. Trong thư gửi Hội Phật tử năm 1947, Người viết: "Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ"¹. Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển những tư tưởng nhân bản, đạo đức tích cực trong Phật giáo vào việc xây dựng xã hội mới, con người mới Việt Nam hiện nay.

Đối với *Lão giáo*, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hoà đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống. Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta trồng cây, tổ chức "Tết trồng cây" để bảo vệ môi trường sinh thái cho chính cuộc sống của con người. Hồ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 228.

Chí Minh chú ý kế thừa phát triển tư tưởng thoát mọi ràng buộc của vòng danh lợi trong Lão giáo. Người khuyên cán bộ, đảng viên ít lòng tham muốn về vật chất. Thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Hành động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh còn chú ý kế thừa, phát triển nhiều ý tưởng của các trường phái khác nhau trong các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại khác như Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử, v.v... Và, Hồ Chí Minh cũng chú ý tìm hiểu những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Là nhà mácxít sáng tạo, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những tinh hoa trong tư tưởng, văn hóa phương Đông để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời hiện đại.

- Tinh hoa văn hoá phương Tây

Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Pháp-bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã quan tâm tới những khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng Pháp 1789: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đi sang Phương Tây, Người chú ý tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong Bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của Mỹ, Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã từng nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa nhân loại tại những trung tâm chính trị kinh tế văn hóa lớn ở các cường quốc như Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, v.v... bằng chính ngôn ngữ của các nước đó. Người trực tiếp nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vonte, Rút-xô, Mông-tét-xkiơ, v.v... Hồ Chí Minh còn đọc tiểu thuyết của đại văn hào Anh Đích-ken bằng tiếng Anh; đọc tiểu thuyết của văn hào Pháp Rô-manh Rô-lăng bằng tiếng Pháp; đọc tác phẩm của đại văn hào Trung Quốc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa; đọc tác phẩm của đại văn hào Nga Lép Tôn-xtôi bằng tiếng Nga, v.v... Qua nghiên cứu sâu rộng tư tưởng, văn hoá cổ kim Đông Tây, Hồ Chí Minh lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng của mình.

Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản theo kiểu Lênin mong muốn: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"¹. Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản trên cơ sở hiểu biết sâu sắc kho tàng tri thức của nhân loại từ cổ chí kim, từ

Đông sang Tây. Nói về việc đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêxu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêxu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn "mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội". Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy"².

- *Chủ nghĩa Mác-Lênin*

Đó là cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khiến Người vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước nổi tiếng nhất đương thời. Hồ Chí Minh khẳng định ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa Mác-Lênin là cách mạng nhất, khoa học nhất. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước và người lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nói lên nỗi niềm sung sướng khi tìm thấy con đường cứu nước, cứu dân ở chủ nghĩa Mác-Lênin, qua đọc tác phẩm của Lênin, Hồ Chí Minh kể lại:

"Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!"².

Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động cách mạng. Trên cơ sở lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã triệt để kế thừa, đổi mới, phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới hình thành lên một hệ thống các quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng Việt Nam. Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: "Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin"¹. Chủ nghĩa Mác

² Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 41, tr. 362.

- Lênin tiền đề lý luận quan trọng nhất, có vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hình thành, phát triển và tỏa sáng, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng sáng tạo, mà còn là sự bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Trong các vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; các vấn đề xây dựng Đảng, Nhà nước, văn hóa, con người, đạo đức, v.v... Hồ Chí Minh đều có những luận điểm bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bước nhảy vọt trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

2.1.2. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

2.1.2.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh được kế thừa và phát triển của cha ông một vốn trí tuệ siêu việt; thông minh trong học tập, ứng xử và ứng đối thơ văn từ nhỏ. Người có hoài bão lớn cứu dân, cứu nước thoát khỏi cảnh lầm than, cơ cực để đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Người một mình dám tự đi khắp thế giới rộng lớn, xa lạ để khảo sát thực tế các nước đế quốc giàu có cũng như các dân tộc thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, mà chỉ với 2 bàn tay trắng; người đã làm nhiều nghề nghiệp khác nhau để kiếm sống, biết rất nhiều ngoại ngữ, tự học hỏi và hoạt động cách mạng. Kết hợp học ở nhà trường, học trong sách vở, học trong thực tế hoạt động cách mạng, học ở nhân dân khắp những nơi Người đã đến, và đã có vốn học thức văn hoá sâu rộng Đông Tây kim cổ để vận dụng vào hoạt động cách mạng.

Đặc biệt là Hồ Chí Minh là người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng; đã vận dụng đúng quy luật chung của xã hội loài người, của cách mạng thế giới vào hoàn cảnh riêng, cụ thể của Việt Nam, đề xuất tư tưởng, đường lối cách mạng mới đáp ứng đúng đòi hỏi thực tiễn; có năng lực tổ chức biến tư tưởng, đường lối thành hiện thực.

Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại, đã đưa cách mạng Việt Nam vào dòng chảy chung của cách mạng thế giới. Là người có năng lực tổng kết thực tiễn, năng lực tiên tri, dự báo tương lai chính xác và kỳ diệu để dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới bến bờ thắng lợi vinh quang. Hồ Chí Minh là người suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, Là người suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và của cách mạng thế giới.

2.1.2.2. Hoạt động thực tiễn Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là người có vốn sống và thực tiễn cách mạng phong phú, phi thường. Trước khi trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã sống, học tập, hoạt động, công tác ở gần 30 nước trên thế giới. Người hiểu sâu sắc chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ thực dân không chỉ qua tìm hiểu trên các loại tài liệu, sách, báo, đài mà còn hiểu biết sâu sắc về chúng qua đã sống và hoạt động thực tiễn tại các cường quốc đế quốc như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, v.v.,.... Người đặc biệt hiểu thấu bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, thực dân và tình cảnh người dân ở nhiều nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh.

Người thấu hiểu về Phong trào giải phóng dân tộc, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng, v.v.,...không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà còn qua việc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, qua hoạt động trong Đảng cộng sản Trung Quốc, qua tham gia phong trào cộng sản quốc tế ở nhiều nước, qua nghiên cứu đời sống xã hội ở Liên Xô nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, v.v.,...

Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã sáng lập ra các tổ chức chính trị xã hội có vai trò là những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó là Đảng Cộng sản Việt Nam (1930); Mặt trận Việt Minh (1941); Quân đội nhân dân Việt Nam (1944); Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945), v.v.,....

Những phẩm chất cá nhân của một thiên tài cùng những hoạt động thực tiễn phong phú, phi thường trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới là nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh bất diệt.

2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và tìm phương hướng cứu nước

Nghệ An là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống yêu nước, lắm nhân tài và anh hùng yêu nước nổi tiếng trong lịch sử dân tộc. Như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biều, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Bội Châu, v.v.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình khoa bảng. Ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó Bảng, Khi thi đỗ, dân làng Kim Liên vui mừng, sắm sửa cờ xí, võng lọng đi đón rước vị tân khoa theo nghi thức lúc bấy giờ, nhưng ông Sắc cảm ơn và xin miễn những nghi lễ ấy, không muốn làm phiền bà con. Tháng 5-1906 ông được bổ nhiệm làm Thừa biện Bộ

Lễ, phụ trách công việc trường ốc. Tháng 5 -1909, ông được bổ nhiệm chức đồng tri phủ lãnh chức tri huyện huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, đến tháng 1-1910 thì bị cách chức. Tuy từng đã làm quan, nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc thường tâm sự: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", nghĩa là: làm quan là nô lệ trong đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn. Ông thường dạy các con: "Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng", nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình. Tinh thần yêu nước, thương dân và nhân cách của ông Nguyễn Phong Sắc có ảnh hưởng lớn lao đến tư tưởng, nhân cách Hồ Chí Minh thuở thiếu thời.

Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc tình cảm của người mẹ, bà Hoàng Thị Loan con gái đầu của nhà nho Hoàng Xuân Đường. Bà Hoàng Thị Loan là người mẹ Việt Nam điển hình về tính cần mẫn, tần tảo, đảm đang, hết mực thương yêu chồng, thương yêu các con và ăn ở nhân đức với mọi người, được bà con láng giềng hết lòng mến phục. Chỉ tiếc rằng khi Hồ Chí Minh mới 11 tuổi, thì bà Hoàng Thị Loan đã sớm qua đời.

Tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, được theo học các vị túc nho và tiếp xúc với nhiều loại sách báo tiến bộ ở các trường, lớp ở thành phố Vinh, ở thành phố Huế, hiểu rõ tình cảnh nước nhà bị giặc ngoại xâm đô hộ, Hồ Chí Minh sớm có tinh thần yêu nước và thể hiện rõ tinh thần yêu nước trong hành động. Năm 1908, anh đã tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Năm 1910, là thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết. Khi dạy học cũng như trong sinh hoạt, anh thường đem hết nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh nước ta.

Điểm đặc biệt của tuổi trẻ Hồ Chí Minh là sự suy ngẫm sâu sắc về Tổ quốc và thời cuộc. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối cách mạng nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám, nhưng sáng suốt phê phán, không tán thành, không đi theo các phương pháp, khuynh hướng cứu nước của các vị. Anh muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau sức mạnh của kẻ thù và học hỏi kinh nghiệm cách mạng trên thế giới. Ngày 5-6-1911, anh đi ra thế giới với 2 bàn tay lao động tự kiếm sống, học hỏi, tìm phương hướng cứu nước, cứu dân.

2.2.2. Thời kỳ 1911-1920: hình thành phương hướng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

Hồ Chí Minh đã đi, sống ở nhiều nơi trên thế giới, tìm hiểu thực chất thời cuộc hiện đại; hiểu biết sâu sắc bản chất, thủ đoạn, tội ác của chủ nghĩa thực dân và tình cảnh

nhân dân các nước thuộc địa.

Từ 1911 đến 1917, Hồ Chí Minh đến các nước Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênegan, Mỹ, Anh, v.v... Qua cuộc hành trình này, ở Người hình thành một nhận thức mới: Giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau. Còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Năm 1917 về Pháp, anh tham gia phong trào công nhân Pháp, bắt đầu đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Năm 1919, anh gia nhập Đảng Xã hội của giai cấp công nhân Pháp. Bởi theo anh đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nhân dân Việt Nam, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái.

Ngày 18 tháng 6 năm 1919, anh lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Véc Xây, đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là lời nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trên diễn đàn quốc tế

Tháng 7-1920, Hồ Chí Minh đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa*, và nhiều tài liệu liên quan đến Quốc tế Cộng sản. Hiểu biết thêm về chủ nghĩa Lênin, Quốc tế Cộng sản về cách mạng vô sản với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Qua đó, tìm thấy phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

Tháng 12-1920, cùng những người tích cực nhất trong Đảng xã hội Pháp, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đồng thời, trong tư tưởng Hồ Chí Minh đi tới xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải do Đảng cộng sản lãnh đạo.

2.2.3. Thời kỳ 1920 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Ngay sau khi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh tích cực sử dụng báo chí Pháp lên án chủ nghĩa thực dân Pháp. Thúc tỉnh lương tri nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân các dân tộc thuộc địa và Việt Nam.

Thời kỳ đầu Hồ Chí Minh có một số bài báo đáng chú ý như: *Vấn đề dân bản xứ*, báo L' Humanite' 2-8-1919, *Ở Đông Dương*, báo L' Humanite' 4-11-1920, v.v... Năm 1921, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa*. Năm 1922 Người được bầu là Trưởng Tiểu ban nghiên cứu vấn đề dân tộc thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp,

sáng lập báo *Le Paria*, bằng tiếng Pháp tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam.

Thông qua báo chí và các hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và yêu nước Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1925, với tên là Nguyễn Ái Quốc, xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Trong đó, vạch rõ bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân và vạch ra phương hướng của cách mạng giải phóng dân tộc trong các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Tháng 6-1925, Hồ Chí Minh sáng lập tổ chức quá độ cho việc thành lập Đảng Cộng sản: Hội Việt Nam thanh niên cách mạng, ra báo *Thanh niên* bằng tiếng Việt, từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và lý luận cách mạng trong những người yêu nước.

Năm 1927, xuất bản sách *Đường Kách mệnh*. Tổng kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và kinh nghiệm cách mạng Tháng Mười Nga. Chỉ rõ cách mạng Việt Nam phải có Đảng Cộng sản với chủ nghĩa Mác- Lênin làm cốt lãnh đạo; Lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam trong đó nòng cốt là liên minh công nông.

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, 5 điểm lớn, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam vắn tắt, Lời kêu gọi* do Người khởi thảo. Các văn kiện này được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta*. Trong đó, trình bày rõ những quan điểm cơ bản về đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam, việc tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị do Hồ Chí Minh khởi thảo giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó vạch ra con đường cách mạng Việt Nam là từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên minh công nông là lực lượng nòng cốt. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận cách mạng thế giới. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân thấm trong từng câu chữ của Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng. Bản Cương lĩnh đầu tiên này đã thể hiện rõ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong giải quyết mối quan hệ giai cấp, dân tộc và quốc tế trong đường lối cách mạng Việt Nam.

2.3.4. Thời kỳ 1930-1941: Vượt qua thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

Do không sát tình hình các thuộc địa và chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh xuất hiện trong Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản, một số người trong Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam có những nhìn nhận sai lầm về Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Người trong cương lĩnh chính trị đầu tiên bị phê phán, bị coi là hữu khuynh, dân tộc chủ nghĩa.

Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10-1930, ra nghị quyết cho rằng: Hội nghị hiệp nhất đảng có nhiều sai lầm. "Chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm"³. Việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng. Hội nghị ra Án nghị quyết: "Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng"; bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam mà lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản.v.v.

Tháng 6-1931, thực dân Anh cầu kết với thực dân Pháp, bắt giam Hồ Chí Minh ở Hồng Kông. Đảng Cộng sản Đông Dương phối hợp với Quốc tế Cứu tế Đỏ, gia đình Luật sư Lôdobô đấu tranh, Hồ Chí Minh được trắng án.

Đầu năm 1934, Hồ Chí Minh trở lại Liên Xô, vào học Trường Đại học Lênin. Sau đó, Người làm nghiên cứu sinh tại Ban Sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản.

Trong dịp Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, năm 1935, Trong Thư của V. Vaxilieva gửi Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương, có ý kiến rằng:

"Đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chúng tôi cho rằng trong 2 năm tới đây, đồng chí ấy cần phải nghiêm túc, nỗ lực học tập và không được làm một việc gì khác. Sau khi học xong, chúng tôi có những kế hoạch riêng để sử dụng đồng chí ấy"⁴. Trong quãng thời gian từ năm 1934 -1936, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về quan điểm cách mạng.

Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nhận thấy thời cuộc sẽ có những chuyển biến lớn, nên cần phải trở về nước trực tiếp tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 6 tháng 6 năm 1938, Hồ Chí Minh gửi thư cho một lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, đề nghị cho phép trở về nước hoạt động. Trong đó, có đoạn viết:

"Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này... Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng"⁵. Đề nghị được chấp nhận.

Tháng 10-1938, Hồ Chí Minh rời Liên Xô, đi qua Trung Quốc tìm đường trở về

³ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 222.

⁴ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 245.

⁵ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 250.

Việt Nam.

Tháng 12-1940, Hồ Chí Minh về gần biên giới Việt- Trung, liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người mở lớp huấn luyện cán bộ, viết sách: *Con đường giải phóng*.

Cuối tháng 1-1941 Hồ Chí Minh về nước, tháng 5-1941 Người chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh được khẳng định, trực tiếp thành đường lối của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết thảy. Hồ Chí Minh khẳng định rõ: " Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"⁶. Hội nghị này đã tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xóa bỏ vấn đề lập liên bang Đông Dương, chủ trương lập Mặt trận Việt Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công, nông, binh và trí thức, nêu ra mục tiêu thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

2.2.5. Thời kỳ từ 1941-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, phát triển và toả sáng

Trong thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cơ bản là thống nhất. Trong những lần làm việc với các Bộ, ngành, địa phương, Hồ Chí Minh nhiều lần đưa ra những quan điểm sáng tạo, đi trước thời gian.

Ngày 19-5-1941, Hồ Chí Minh sáng lập Mặt trận Việt Minh; ngày 22-12-1944, sáng lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 1945, chớp đúng thời cơ, Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công lật đổ chế độ phong kiến hơn ngàn năm, lật đổ ách thống trị của thực dân pháp hơn 80 năm và giành lại độc lập dân tộc trực tiếp từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đầu tiên ở vùng Đông Nam Á; mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam-Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 2-9-1945 đến ngày 20-12-1946, Hồ Chí Minh đề ra chiến lược sách lược cách mạng sáng suốt, lãnh đạo Đảng và chính quyền cách mạng non trẻ trải qua thử thách ngàn cân treo sợi tóc. Với phương châm *Dĩ bất biến ứng vạn biến*, giữ vững mục tiêu đấu tranh cho chủ quyền độc lập dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân bằng các sách lược cách mạng linh hoạt, mềm dẻo. Người đã chỉ đạo thành công sách lược: Khi thì tạm hoà hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, , tr. 230.

Tướng về nước, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những biện pháp sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự nhân nhượng có nguyên tắc; thêm bạn bớt thù, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

Từ 1946-1954, Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Người đề ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh. Đồng thời, Người lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong thời kỳ này Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, và từng bước hình thành tư tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân pháp ở Việt Nam thắng lợi, mở ra thời kỳ sụp đổ của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Hòa bình lập lại ở miền Bắc Việt Nam; và miền Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ 1954-1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối cùng một lúc thi hành 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Tất cả nhằm giành được hòa bình, độc lập, thống nhất nước nhà.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh bổ sung hoàn thiện hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực triết học, chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá và đạo đức. Sau đó, di sản tư tưởng của Người được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển trong thực tiễn, trở thành ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn thử thách, đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác.

Trong những giờ phút gay go nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi đế quốc Mỹ tăng cường quân đội viễn chinh Mỹ vào miền Nam và đẩy mạnh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mỹ, ngày 17-7- 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra một chân lý lớn của thời đại: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đồng thời, khẳng định nhân dân Việt Nam chẳng những không sợ, mà còn quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"⁷

Trước khi đi xa, Người để lại *Di chúc*, một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức của một lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa, suốt đời vì dân vì nước.

Đến nay, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam đang phấn đấu thực hiện điều mong mỏi

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 15, Sđd, tr. 624.

cuối cùng của Hồ Chí Minh là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

2.3. Ý NGHĨA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam

2.2.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta. Hồ Chí Minh là Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân đã lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám năm một 1945 thành công. Mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Với tư tưởng Hồ Chí Minh, Người cùng Đảng ta lãnh đạo cuộc kháng chiến chống pháp thắng lợi. Sau đó, lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đi đến thắng lợi. Từ 1975, cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Có được những thắng lợi to lớn đó là bởi có tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành hiện thực.

Tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi ra đời đã trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và chính thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam chứng minh, khẳng định tính đúng đắn, giàu sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một hệ thống những quan điểm lý luận về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, về sự cải biến cách mạng với xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, về xây dựng những điều kiện đảm bảo cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng, đó là xây dựng Đảng cộng sản cầm quyền cầm quyền trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước của dân, do dân vì dân, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể chính trị xã hội, xây dựng đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế, v.v... Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống mở đầy sức sống được Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển trong sự nghiệp đổi mới hiện nay và trong tương lai.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay. Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, tư tưởng định hướng, soi đường, chỉ đạo sự phát triển của cách mạng Việt Nam và dân tộc Việt

Nam là của chính người Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường cho Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong suốt những chặng đường cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường, là kim chỉ Nam định hướng hành động cho Đảng ta và nhân dân ta. Khi nào làm đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng thắng lợi. Khi nào xa rời hoặc làm sai với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng Việt Nam bị tổn thất hoặc thất bại.

Tất cả các quan điểm lý luận và phương pháp cách mạng cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều là nhằm tới mục tiêu: Độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tự do, dân chủ cho nhân dân, công bằng và hạnh phúc cho mọi người, hòa bình và hữu nghị cho các dân tộc với sự phát triển các quan hệ văn hóa, nhân văn của thời đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là chỗ dựa vững chắc để Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đi tới thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh trường tồn, bất diệt cùng với sự phát triển vững mạnh của dân tộc Việt Nam.

2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

Tư tưởng Hồ Chí Minh mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp và giải phóng con người

C.Mác cho rằng: Mỗi thời đại xã hội đều cần những con người vĩ đại của nó và nếu không có những con người vĩ đại như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế. Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại, đáp ứng đúng yêu cầu của dân tộc Việt Nam cần phát triển mạnh mẽ trong thời đại mới, Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ, người anh hùng giải phóng dân tộc tiêu biểu của thế kỷ XX.

Cốt lõi lý luận lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh là về cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản, được tiến hành bởi toàn thể nhân dân với nòng cốt liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo, có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, bằng con đường bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang. Đó là sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc còn bao gồm một hệ thống các luận điểm giải quyết một cách đúng đắn, sáng tạo vấn đề dân tộc và thuộc địa, dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về cách mạng giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, góp phần bổ sung, phát

triển kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Và trên thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc dẫn tới phá tan hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, được thế giới tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên khẳng định hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, phá bỏ sự biệt lập, mở đường cho sự phát triển, liên kết các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người là một nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào vì hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới. Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với các phong trào cách mạng, tiến bộ, hòa bình trên thế giới.

Người chủ trương hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài giữa các nước, không chỉ xuất phát từ những mục tiêu chính trị vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội của thời đại, mà còn vì sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế không chỉ để giành độc lập dân tộc, mà còn là để xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp các nước tiên tiến và sâu xa là đặt chiến lược phát triển đất nước gắn với những chuyển biến của thời đại về chính trị, kinh tế, giữ vững độc lập của dân tộc mình và tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.

Một nét căn bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹. Hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi; phát huy sức mạnh nội lực kết hợp sức mạnh thời đại, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế. Ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh được giương cao đã thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đồng thời góp phần tích cực củng cố hòa bình, thúc đẩy tình hữu nghị, sự hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới ngày nay. Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi.

Trong lòng nhân dân thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh là bất diệt. Bạn bè năm châu khâm phục và coi Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của những giá trị về tư tưởng, lương tri và phẩm giá làm người.

THAM KHẢO PHẦN 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

3.1.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

3.1.1.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là, luôn mong muốn có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy! Người nói: Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Đầu năm 1919, các nước đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị Vécxây (Pháp). Tại đây, Tổng thống Mỹ Uynxon kêu gọi trao quyền tự quyết cho các dân tộc. Nhân cơ hội này, thay mặt những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua sự kiện trên cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã xuất hiện. Căn cứ vào những quyền tự do, bình đẳng và quyền con người - “những quyền mà không ai có thể xâm phạm được” đã được ghi trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của cách mạng Mỹ năm 1776, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh khẳng định những giá trị thiêng liêng, bất biến về quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”¹.

Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là:

¹Hồ Chí Minh: **Toàn tập**, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, HN,2011, t4, tr.1

“ a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b)
Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”¹.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”²

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong thư gửi Liên hợp quốc năm 1946, một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”³. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta lần thứ hai, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁴.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam: ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, chư hầu vào miền Nam tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trong hoàn cảnh đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”⁵. Với chân lý đó, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi vẻ vang, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, cam kết rút quân, kết thúc cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam.

3.1.1.2. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập,

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t3, tr.1

²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.3

³Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.522

⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.534

⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.131

²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, tr.137, 138

dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viện dẫn Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”⁶, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”⁷. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Người cũng đã xác định rõ ràng mục tiêu của đấu tranh của cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... dân chúng được tự do.. .thủ tiêu hết các thứ quốc trái...thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.. .thi hành luật ngày làm 8 giờ”⁸. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, nước nhà được độc lập và một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định độc lập phải gắn với tự do. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”⁹.

Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chúng ta phải thực hiện ngay :

Làm cho dân có ăn.

Làm cho dân có mặc.

Làm cho dân có chỗ ở.

Làm cho dân có học hành”¹⁰.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh coi *độc lập* luôn gắn liền với *tự do*, *cơm no*, *áo ấm* cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹¹.

3.1.1.3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

Trong quá trình đi xâm lược thuộc địa, bọn thực dân đế quốc hay mị dân, thành lập

⁶Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr. 1

⁷Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr. 1

⁸Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t3, tr.1, 2

⁹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.64

¹⁰Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.175

¹¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.187

các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất đó là cái “bánh vẽ”, hòng che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng.., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau cách mạng tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn nhất là nạn thù trong giặc ngoài bao vây tứ phía, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ* ngày 6-3-1946, trong đó “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”¹².

3.1.1.4. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Trong *Di chúc*, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” .

3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giành độc lập dân tộc

Trong bối cảnh của một nước thuộc địa, muốn có độc lập dân tộc, phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đuổi thực dân và phong kiến tay sai. Cuộc cách mạng này muốn thắng lợi thì phải đi theo con đường nào, ai lãnh đạo, lực lượng và phương pháp cách mạng ra sao.? Hồ Chí Minh nêu lên những luận điểm sau:

3.1.2.1. Trước hết, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị nước ta, vấn đề sống còn của dân tộc được đặt ra là phải đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Sự thất bại của những phong trào yêu nước trong thời kỳ

¹²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.583

này phản ánh sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh có ý định: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹³. Nhưng qua thực tế Người quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản vì cho rằng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”¹⁴.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam.. ..Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khố Tư và Lênin”¹⁵.

Năm 1920 sau khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản, như sau này Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹⁶. Đây là con đường cách mạng triệt để nhất phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹⁷.

Con đường cách mạng đó được Hồ Chí Minh thể hiện trên những nội dung sau:

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết. Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là

¹³Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb.Văn học, HN, 1970, tr.11

¹⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, tr.296

¹⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, tr.304

¹⁶Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t12, tr.30

¹⁷Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t12, tr.562

đi từ giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người. Còn theo Hồ Chí Minh thì ở Việt Nam và các nước thuộc địa phải là: giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930, Hồ Chí Minh đã ghi rõ phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại vừa hướng tới giải quyết một cách triệt để những yêu cầu khách quan, cụ thể mà cách mạng Việt Nam đặt ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Trong văn kiện Đại hội VI Quốc tế cộng sản, khái niệm “cách mạng tư sản dân quyền” không bao hàm đầy đủ nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Còn trong *Chánh cương vắn tắt*, Hồ Chí Minh nêu rõ: Cách mạng tư sản dân quyền trước hết là phải đánh đổ đế quốc và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.. Cũng theo Quốc tế cộng sản, thì hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến phải được thực hiện đồng thời, khăng khít với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng xuất phát từ một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh không coi hai nhiệm vụ đó nhất loạt phải thực hiện ngang nhau, mà đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, còn nhiệm vụ chống phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân thì sẽ từng bước thực hiện. Cho nên trong *Chánh cương*, Người chỉ nêu “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo” mà chưa nêu ra chủ trương “người cày có ruộng”. Đây cũng là nét độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh.

3.1.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng cộng sản lãnh đạo

Về tầm quan trọng của tổ chức Đảng đối với cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Đảng cộng sản là nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân phải tổ chức ra chính đảng, đảng đó phải thuyết phục, giác ngộ và tập hợp đông đảo quần chúng, huấn luyện quần chúng và đưa quần chúng ra đấu tranh. Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và rất chú trọng đến việc thành lập đảng cộng sản, khẳng định vai trò to lớn của nó đối với cách mạng giải phóng dân tộc theo mục tiêu và con đường cách mạng vô sản.

Trong hoàn cảnh Việt Nam, Đảng Cộng sản vừa là đội tiên phong của giai cấp công

nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc. Đó còn là Đảng của cả dân tộc Việt Nam. Đây là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh có ý nghĩa bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản.

3.1.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin khẳng định rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. V.I.Lênin viết: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”¹.

Kế thừa tư tưởng các nhà lý luận nói trên, Hồ Chí Minh quan niệm: có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Người khẳng định: “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”². Người lý giải rằng, dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Vậy nên phải tập hợp và đoàn kết toàn dân thì cách mạng mới thành công.

Năm 1930, trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân: Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông để lôi kéo họ về phía vô sản giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Hồ Chí Minh thiết tha kêu gọi mọi người không phân biệt giai, tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái .đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung của dân tộc. Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (12-1946), Người viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”¹⁸.

¹⁸Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t4, tr.534

Trong khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh lưu ý rằng, không được quên “công nông là chủ cách mệnh.là gốc cách mệnh”¹⁹. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người giải thích: giai cấp công nhân và nông dân là hai giai cấp đông đảo và cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nề nhất, vì thế “lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết .công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”.

3.I.2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên Quốc tế cộng sản có lúc xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Đại hội VI Quốc tế cộng sản năm 1928 đã thông qua *Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, trong đó có đoạn viết rằng, chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm này có tác động không tốt, làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc.

Quán triệt tư tưởng của V.I. Lênin về mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ rất sớm Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau. Năm 1924, tại Đại hội V của Quốc tế cộng sản, Người nói: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”¹. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) , Người cũng viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”².

Là một người dân thuộc địa, là người cộng sản và là người nghiên cứu rất kỹ về

¹⁹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, tr.288

chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh nêu rằng, cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước. Người viết: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹. Luận điểm sáng tạo có tính cách mạng và khoa học trên của Hồ Chí Minh dựa trên các cơ sở sau:

Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc nhưng lại là khâu yếu nhất trong hệ thống các nước đế quốc. Cho nên, cách mạng ở thuộc địa sẽ có khả năng nổ ra và thắng lợi.

Tinh thần đấu tranh cách mạng hết sức quyết liệt của các dân tộc thuộc địa, mà theo Người nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một “lực lượng khổng lồ” khi được tập hợp, hướng dẫn và giác ngộ cách mạng.

Căn cứ vào luận điểm của C.Mác về khả năng tự giải phóng của giai cấp công nhân, trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa*, khi kêu gọi các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc, Người viết: “Hỡi anh em ở các thuộc địa. Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”².

Với thực tiễn thắng lợi năm 1945 ở Việt Nam cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã thành công vào những năm 60, trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa nổ ra và thắng lợi, càng chứng minh luận điểm trên của Hồ Chí Minh là độc đáo, sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn.

3.1.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang nhân dân

Tính tất yếu của bạo lực cách mạng đã được các nhà lý luận Mác - Lênin khẳng định trong cách mạng vô sản. Ph. Ăngghen cho rằng, bạo lực là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới. Còn V.I.Lênin tiếp tục khẳng định và làm sáng tỏ hơn:

không có bạo lực thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

Dựa trên cơ sở quan điểm về bạo lực cách mạng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”²⁰. Đúng vậy, vì ngay như hành động mang quân đi xâm lược của thực dân đế quốc đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, thì như Người vạch rõ: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”²¹.

Và sau khi xâm chiếm các nước thuộc địa, bọn thực dân đế quốc đã thực hiện chế độ cai trị vô cùng tàn bạo: dùng bạo lực để đàn áp dã man các phong trào yêu nước, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ cơ bản của nhân dân, bóc lột và đẩy người dân thuộc địa vào bước đường cùng. Vậy nên, muốn đánh đổ thực dân - phong kiến giành độc lập dân tộc thì con đường duy nhất là bạo lực cách mạng, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

Về hình thức bạo lực cách mạng, theo Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng được thực hiện dưới hai lực lượng chính trị và quân sự, hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang; đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân đế quốc, đi đến kết thúc chiến tranh. Việc xác định hình thức đấu tranh phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp, như Người đã chỉ rõ: “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”²². Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả

²⁰Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t15, tr.391

²¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t1, tr. 114

²²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t15, tr.391

nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân ta đã thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

Trên là hệ thống các luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, thể hiện sự nhận thức và vận dụng phát triển, sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

3.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

3.2.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh không để lại một định nghĩa cố định về chủ nghĩa xã hội. Với cách diễn đạt dung dị, dễ hiểu, dễ nhớ, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Người tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.) của chủ nghĩa xã hội, song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu nước mạnh²³.

So sánh các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử để thấy sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ khác, Hồ Chí Minh viết: “Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn”².

²³Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.415; 1.10, tr.390.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, *chủ nghĩa xã hội là xã hội thuộc giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản - một xã hội không còn áp bức, bóc lột, do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.*

3.2.1.2. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác khẳng định sự phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên²⁴. Theo quá trình này, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau”²⁵. Vận dụng học thuyết của C.Mác để nhận định về tiến trình lịch sử, Hồ Chí Minh cho rằng: Thời gian, cách thức, tốc độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia, dân tộc diễn ra một cách khác nhau nhưng đó là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan, trước hết là các quy luật trong sản xuất vật chất. Người viết: “Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v.v., cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đá đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”²⁶.

Đối với Việt Nam, hàng nghìn năm dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ phong kiến, thực dân, nhiều khuynh hướng cứu dân, cứu nước đã được thử nghiệm nhưng đều không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khát khao đạt được. Hồ Chí Minh nhận thấy chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ những bức tường dài ngăn cản con người yêu đoàn kết, yêu thương nhau⁴. Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn, theo Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại nói chung, của Việt Nam nói riêng là tất yếu của lịch sử.

3.2.1.3. Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản nên chủ nghĩa xã hội phải có nền kinh tế phát triển cao hơn nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản, đây là nền kinh

²⁴Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.3, tr.27, tr. 37-38, tr. 40-42; t.13, tr.14-15; t.23, tr.21.

²⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.613.

²⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.600-601.

tế dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ sở hữu tư liệu sản xuất tiên bộ. Lực lượng sản xuất hiện đại trong chủ nghĩa xã hội biểu hiện: Công cụ lao động, phương tiện lao động trong quá trình sản xuất “đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử”²⁷. Quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh diễn đạt là: Lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung; là tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân²⁸. Đây là tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ công hữu tư liệu sản xuất cơ bản trong chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội thực hiện nền chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: Để tiến tới chủ nghĩa xã hội, trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng vô sản, giai cấp vô sản phải thực hiện được nền chuyên chính của mình²⁹. Hồ Chí Minh cho rằng, chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính ai? Dưới chế độ phong kiến, tư bản, chuyên chính là số ít người chuyên chính với đại đa số nhân dân. Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ của nhân dân. Trong nền chuyên chính đó, cần phải có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân³⁰. Như vậy, đặt trong mối quan hệ với các chế độ xã hội khác, chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản là một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội có trình độ phát triển cao về văn hóa và đạo đức. Sự phát triển cao về văn hóa và đạo đức của chủ nghĩa xã hội thể hiện trước hết ở các quan hệ xã hội. Đây là xã hội không còn hiện tượng người bóc lột người; con người được tôn trọng, được đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng và các dân tộc đoàn kết, gắn bó với nhau. Hồ Chí Minh cho rằng: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới “chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn”³¹; “. chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”³².

Chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là tiền đề để tiến tới chế độ xã hội hòa bình, đoàn kết, ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, việc làm cho mọi người và vì mọi người; không còn phân biệt chủng tộc, không còn vách tường dài ngăn cản những người lao

²⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.600.

²⁸ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.390.

²⁹ Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.626.

³⁰ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.456 - 457; t.15, tr.391.

³¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.610.

³² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.610.

động hiểu nhau và thương yêu nhau³³. Chủ nghĩa xã hội bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong các quan hệ xã hội. Đây là xã hội đem lại quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân; mọi cộng đồng người đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; ai cũng phải lao động và ai cũng có quyền lao động³⁴, ai cũng được hưởng thành quả lao động của mình trên nguyên tắc làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm thì không hưởng, tất nhiên là trừ những người chưa có khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động³⁵.

3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.2.1. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Về chế độ chính trị, phải đạt mục tiêu do nhân dân làm chủ. Đối với chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chế độ ta là chế độ *dân chủ*. Tức là nhân dân làm chủ”³⁶, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”³⁷. Khi khẳng định “dân làm chủ” và “dân là chủ”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị của nhân dân.

Về kinh tế, phải đạt mục tiêu có nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị. Khái quát về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, đây là nền kinh tế phát triển cao “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”³⁸, là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”³⁹. Mục tiêu về kinh tế phải gắn bó chặt chẽ với mục tiêu về chính trị. Người viết: “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển ...”⁴⁰. Theo Người, kinh tế quốc doanh lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động nên Nhà nước phải bảo đảm ưu tiên cho kinh tế quốc doanh phát triển và phải đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hợp tác xã⁴¹.

Về văn hoá, phải mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Hồ Chí Minh cho rằng, mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế là mối quan hệ biện chứng. Chế độ chính trị và kinh tế của xã hội là nền tảng và

³³ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

³⁴ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.377, 371; t.11, tr.241.

³⁵ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390.

³⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr. 10.

³⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.434.

³⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372.

³⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372.

⁴⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.376.

⁴¹ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.373.

quyết định tính chất của văn hóa; còn văn hóa góp phần thực hiện mục tiêu của chính trị và kinh tế. Về vai trò của văn hóa, Người khẳng định: Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao sẽ góp phần phát triển dân chủ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh⁴²; nền văn hóa phát triển là điều kiện cho nhân dân tiến bộ⁴³.

Theo Người, “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”⁴⁴, “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”⁴⁵.

Về xã hội, phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh. Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nên theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân⁴⁶.

Đây chính là xã hội tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

3.2.2.2. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh không xem nhẹ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế song Người khẳng định *động lực quan trọng nhất, giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân tố con người Việt Nam*. Theo Hồ Chí Minh, ở Việt Nam, chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong kháng chiến, nhân dân đã anh dũng chiến đấu, hy sinh xương máu và đã đánh thắng chế độ thực dân, phong kiến. Ngày nay,

⁴² Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.458 - 459.

⁴³ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.191.

⁴⁴ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.471.

⁴⁵ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.40.

⁴⁶ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.377 - 378.

để xây dựng xã hội mới, dù còn nhiều gian khổ nhưng chắc chắn nhân dân ta sẽ đánh thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công cuộc ấy rất vĩ đại và cũng rất khó khăn nhưng toàn Đảng, toàn dân quyết tâm làm thì nhất định làm được⁴⁷.

3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.3.1. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

về tính chất thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nhận định rằng, tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần⁴⁸; đây là công cuộc biến đổi xã hội cũ thành xã hội mới - một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta nên nó là công cuộc biến đổi khó khăn nhất, sâu sắc nhất; thậm chí nó còn gian nan, phức tạp hơn cả việc đánh giặc⁴⁹.

Về đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, “*đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*”⁵⁰. Trong bối cảnh kinh tế rất nghèo nàn, kỹ thuật vô cùng lạc hậu nên nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải *xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*,... có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến; phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài⁵¹; phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột, áp bức; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước có văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc⁵².

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải kết hợp sức mạnh của nhiều yếu tố mới thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của thời kỳ quá độ nhưng trước hết và quan trọng nhất là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.2.3.2. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa

⁴⁷ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.609; t.12, tr.680; t.13, tr.54.

⁴⁸ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390, tr.392.

⁴⁹ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.91 - 92, tr.405.

⁵⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.411.

⁵¹ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.412.

⁵² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.92.

Mác - Lênin. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản⁵³ nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin⁵⁴, phải không ngừng “học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin”⁵⁵, phải “cụ thể hóa chủ nghĩa Mác-Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”⁵⁶.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước. Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”⁵⁷. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không được áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo⁵⁸. Mặc dù đánh giá rất cao thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, song Hồ Chí Minh khẳng định “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác.. ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁵⁹.

3.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn nối tiếp nhau: trước hết phải tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để đạt mục tiêu trước mắt, trực tiếp, cấp bách là độc lập dân tộc rồi sau đó làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ hai mâu thuẫn đối kháng, cơ bản tồn tại khách quan dưới thời thực dân - phong kiến: mâu thuẫn dân tộc và giai cấp, Người chỉ rõ cách mạng dân tộc dân chủ có hai nhiệm vụ chiến lược: đánh đổ thực dân

⁵³ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.96.

⁵⁴ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.159 - 160.

⁵⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

⁵⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

⁵⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.675.

⁵⁸ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.92.

⁵⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.391.

Pháp để giải phóng dân tộc, đánh đổ địa chủ phong kiến để mang lại ruộng đất cho nông dân, trong đó nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, còn nhiệm vụ dân chủ (đánh đổ địa chủ phong kiến.) rải ra thực hiện và phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Độc lập dân tộc là tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ, độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, và hơn nữa độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân.

Khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho một cuộc cách mạng tiếp theo - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng sâu sắc, triệt để thì càng tạo ra những tiền đề thuận lợi, sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam ngay từ đầu đã đi theo con đường cách mạng vô sản, cho nên bản thân cuộc cách mạng này đã mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện vững chắc để bảo đảm nền độc lập dân tộc

Chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại và phù hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để. Năm 1960, Người khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội trước hết là một chế độ dân chủ, do nhân dân làm chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chế độ dân chủ thể hiện trong tất cả mọi mặt của đời sống xã hội và được thể chế hoá bằng pháp luật, đây là điều kiện quan trọng nhất để đảm bảo nền độc lập dân tộc, tạo ra nền tảng ý thức xã hội bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu thôn tính, đe dọa nền độc lập, tự do của dân tộc.

Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, còn là một xã hội tốt đẹp, không còn chế độ áp bức bóc lột. Đó là một xã hội bình đẳng, công bằng và hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, bảo đảm phúc lợi xã hội cho người già, trẻ em và những người còn khó khăn trong cuộc sống; mọi người đều có điều kiện để phát triển như nhau. Đó còn là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân,

là một xã hội có đạo đức và văn hoá..., hoà bình hữu nghị, làm bạn với tất cả các nước dân chủ trên thế giới.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng tiềm lực, khả năng phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Với một chế độ xã hội như trên, chủ nghĩa xã hội sẽ có khả năng làm cho đất nước phát triển hoàn thiện, sẽ tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và hơn thế nữa, sẽ là một tấm gương cho các quốc gia trên thế giới, nhất là các dân tộc đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng sẽ góp phần hạn chế những cuộc chiến tranh phi nghĩa, bảo vệ được nền hoà bình trên thế giới, không còn tình trạng dân tộc này đi thống trị, áp bức dân tộc khác trên thế giới.

Mặt khác, chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất sẽ đi đến xoá bỏ hoàn toàn, tận gốc mọi sự áp bức, bóc lột, bất công về giai cấp, dân tộc.

Để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, cần có những điều kiện cơ bản sau:

Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản trong suốt tiến trình cách mạng. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì cách mạng Việt Nam không thể nào đi theo con đường cách mạng vô sản và tất nhiên độc lập dân tộc sẽ không giành được. Và ngay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh, càng phải củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nếu không Đảng sẽ đánh mất vai trò lãnh đạo và chủ nghĩa xã hội sẽ sụp đổ, tan rã.

Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công - nông - trí, vì theo Người, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Ba là, phải đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới. Đoàn kết quốc tế, theo Hồ Chí Minh, là để tạo ra một sức mạnh to lớn cho cách mạng và cũng để góp phần chung cho nền hoà bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Ba yếu tố trên gắn bó chặt chẽ với nhau góp phần giữ vững nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3.4. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

Tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quá trình hợp quy luật, phù hợp với khát vọng của nhân dân Việt Nam, là sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng đã xây dựng Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó xác định các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Những đặc trưng đó có mối quan hệ mật thiết với nhau, là nền tảng, là cơ sở vững chắc để cách mạng Việt Nam có thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong nhận thức và hành động, những người Việt Nam yêu nước, trong đó có sinh viên, không bao giờ xao nhãng mục tiêu và con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi vì đây không những là lựa chọn của Hồ Chí Minh mà chính là sự lựa chọn của lịch sử dân tộc Việt Nam, theo đúng quy luật vận động của loài người.

Là lực lượng lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc”⁶⁰ nên trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp địa phận, không phận, hải phận và tài nguyên, v.v. tiếp tục diễn ra gay gắt và phức tạp, cần quán triệt đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam là: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là nòng cốt”⁶¹.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy sức mạnh bản chất ưu việt của chế độ xã hội; là bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; là dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân

⁶⁰Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65.²⁰

⁶¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.32-33.

làm, dân kiểm tra”.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa không tách rời quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp hiện hành.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân và đạo đức xã hội, phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức và xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng như tất cả những hành vi vi phạm quyền dân và quyền làm chủ của nhân dân¹.

3.4.2. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam là tính nhất nguyên và tính thống nhất: Nhất nguyên về chính trị, về tổ chức, về tư tưởng; thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về mục tiêu chính trị. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở Việt Nam có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác, phương thức hoạt động khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với nhau tạo nên một thể thống nhất, phát huy sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện

Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị thực chất là để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy đầy đủ mà tư tưởng Hồ Chí Minh coi đây là bản chất của chế độ xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng.

3.4.3. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thu được nhiều thành tựu vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp đổi mới. Song, chỉ trong một thời gian rất ngắn so với lịch sử của Đảng, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã xuất hiện và trở nên nghiêm trọng. Nếu không ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái này sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng¹.

Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là phải tích cực thực hiện, thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đảng, trong đó có các nghị quyết về xây dựng Đảng, vì xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong sự nghiệp đổi mới.

Đương thời, Hồ Chí Minh chưa sử dụng những khái niệm như "suy thoái" tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nhưng đã đề cập đến nhiều "căn bệnh" biểu hiện của nó và đã cảnh báo về tác hại của những "căn bệnh" này. *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ* là những hành động cụ thể, đặt trong bối cảnh cụ thể mà Đảng tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền, thực hiện được nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng một quốc gia dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh để giữ vững nền độc lập dân tộc trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

THAM KHẢO PHẦN 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4.1.1. Về tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Đó là quan điểm của Hồ Chí Minh lúc Người tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự ra đời của một đảng cộng sản ở Việt Nam. Song, đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam; và sự bảo đảm, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển của đất nước Việt Nam theo mục tiêu chủ nghĩa xã hội là một nguyên tắc vận hành của xã hội Việt Nam từ khi có Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh là người trung thành với học thuyết Mác - Lênin, trong đó có lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, đồng thời vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trên thế giới, nói chung, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa cộng sản khoa học với phong trào công nhân. Còn đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Như vậy, so với học thuyết Mác - Lênin thì Hồ Chí Minh đưa thêm vào yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước.

Trong một xã hội thuộc địa như Việt Nam, mọi giai cấp, tầng lớp, trừ tư sản mại

bản và đại địa chủ, còn tất cả đều có mâu thuẫn với ách áp bức, bóc lột của các thế lực ngoại xâm. Đó là *mâu thuẫn cơ bản* giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai. Trong thực tế, những phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp được rất nhuần nhuyễn với phong trào yêu nước, và có lúc không phân biệt được thật rạch ròi đấu tranh dân tộc với đấu tranh giai cấp. Nhiều phong trào yêu nước lúc đầu diễn ra theo xu hướng dân chủ tư sản, nhưng qua thực tế được sự tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã dần dần tiến theo xu hướng cộng sản, rõ nhất là từ năm 1925 trở đi với sự ra đời của hàng loạt tổ chức yêu nước, trong đó nổi rõ nhất là tổ chức Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh niên do Hồ Chí Minh lập ra. Đấu tranh giai cấp quện chặt với đấu tranh dân tộc. Thật khó mà tách bạch mục tiêu cơ bản giữa các phong trào đó, tuy lực lượng, phương thức, khẩu hiệu đấu tranh có khác nhau, nhưng mục tiêu chung là: Giành độc lập, tự do cho dân tộc.

4.1.2. Đảng là đạo đức, là văn minh

So với C.Mác, Ăngghen, V.I.Lênin trong việc đề cập vấn đề đạo đức của một đảng cộng sản, thì Hồ Chí Minh thể hiện một cách sâu sắc và cụ thể hơn. Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của đạo đức khi nhìn nhận về V.I.Lênin. Năm 1924, khi V.I.Lênin qua đời, Hồ Chí Minh viết trong bài “*Lênin và các dân tộc phương Đông*” đăng ở báo *Le Paria* (Người cùng khổ), số 27 (7-1924) như sau: “Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự sa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi”¹. Ngày 13-7-1955, Hồ Chí Minh và Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang Liên Xô, đến thăm nơi làm việc của V.I.Lênin trong Điện Cremlin (Mátxcơva). Tại đây, Hồ Chí Minh ghi vào sổ cảm tưởng của Nhà lưu niệm: “Lênin, người thầy dạy vĩ đại của cách mệnh vô sản. Cũng là một vị đạo đức rất cao, dạy chúng ta phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Tinh thần Lênin muôn đời bất diệt”².

Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cộng sản. Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, trong hệ thống các bài giảng cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hồ Chí Minh đưa lên đầu như là một bài nhập môn phần *Tư cách của một người cách mạng*. Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện cho toàn Đảng về đạo

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, 2011, tr.317.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, 2011, tr.43.

đức cộng sản, suốt đời phấn đấu hy sinh cho lợi ích của Đảng và dân tộc. Đó là một nhân tố cực kỳ quan trọng để tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, là yếu tố vững bền tạo nên truyền thống của Đảng. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức đã bao hàm cả các yếu tố về năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái; có đức trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

- Giàu sang không thể quyến rũ
- Nghèo khó không thể chuyển lay,
- Uy lực không thể khuất phục”³.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁴; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”⁵.

Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng. Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo nếu Đảng không trong sạch, vững mạnh, nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên thoả hiệp hoá, biến chất. Đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của cách mạng nước ta sẽ bị tiêu tan. Đúng như cái logic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁶.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611-612.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, , tr.50.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

Như vậy, xây dựng Đảng về mặt đạo đức cách mạng là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sáng tạo của Người so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Chính vì thế, trong Bài nói tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (năm 1960), Hồ Chí Minh cho rằng: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”⁷.

4.1.3. Về các nội dung nguyên tắc xây dựng Đảng

4.1.3.1. *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.* Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”⁸.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi. Đảng dựa chắc vào cơ sở lý luận chính trị là chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng không được phép giáo điều.

4.1.3.2. *Tập trung dân chủ.* Hồ Chí Minh đưa ra luận đề liên quan mật thiết với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung. Như vậy, hàm lượng dân chủ càng cao, càng đậm đặc bao nhiêu trong hoạt động của Đảng thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải làm cho tất cả mọi đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ở trong Đảng, tức là khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực chủ động của tất cả đảng viên. Khi đã thảo luận, bày tỏ ý kiến rồi thì đi đến tập trung, tức là đề cập ý chí thống nhất, hành động thống nhất, như thế mới có sức mạnh. Và, nói như Hồ Chí Minh, lúc ấy quyền tự do của đảng viên trở thành quyền phục tùng chân lý, mà chân lý là những điều có lợi cho dân, cho nước. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức Đảng phải *trong sạch, vững mạnh*.

Đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý hai điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: (i) Độc đoán, chuyên quyền, coi

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

thường tập thể; (ii) Dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán. Hai vế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau.

4.1.3.3. *Tự phê bình và phê bình*. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên, “như mỗi ngày phải rửa mặt”⁹. Người viết trong *Di chúc*: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”¹⁰. Người cho rằng, tự phê bình và phê bình là “thang thuốc” tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi; tự phê bình và phê bình phải trung thực, kiên quyết, đúng người, đúng việc, phải có văn hóa... Trong Đảng, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹¹.

4.1.3.4. *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác*. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: «Đảng tổ chức rất nghiêm, khác với các đảng phải khác và các hội quần chúng. Trong Đảng chỉ kết nạp những phần tử hăng hái nhất, cách mạng nhất. Đảng có những điều kiện kỷ luật bắt buộc mỗi đảng viên phải theo. Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm. Không làm thì đuổi ra khỏi Đảng»¹². Sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ kỷ luật, muôn người như một, cùng một ý chí và hành động. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”¹³. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”¹⁴; khi đã tự giác thì kỷ luật của Đảng mới nghiêm và mới bền lâu, thực sự tạo sức mạnh cho Đảng.

4.1.3.5. *Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn*. Quyền lực của Đảng là do giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giao phó. Đảng phải không ngừng tự chỉnh đốn bản thân mình. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không phải là tổ chức để làm quan phát tài mà Đảng hoạt động vì Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Thường xuyên tự chỉnh đốn, do đó, trở thành một nhiệm vụ cực

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi Đảng đứng trước những thử thách lớn trong quá trình hoạt động, chẳng hạn, Hồ Chí Minh nêu ý kiến rằng, ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹⁵.

Khi viết về tư cách của đảng chân chính cách mạng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh nêu lên 12 điều, trong đó có Điều 9: «Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái»¹⁶ và Điều số 10: “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài”¹⁷. Nếu thực hiện được như thế, Đảng sẽ luôn luôn lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

4.1.3.6. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đoàn kết trong Đảng là điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết, thống nhất trong Đảng trước hết là trong cấp uỷ, trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt; đoàn kết trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Trong *Di chúc* năm 1965, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. *Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹⁸.

4.1.3.7. Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản - Giai cấp công nhân - Nhân dân Việt Nam là mối quan hệ “3 trong 1”, mỗi thành tố đều nằm trong một cái chung không thể tách rời. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là xây dựng một

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.290.

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, cũng như theo mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh đã ghi trong *Di chúc*: Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam "không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra"¹⁹; "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"²⁰; "ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"²¹; "Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước"²². Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một quan điểm: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"²³. Người còn nói rõ thêm: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"²⁴. Trong một bài nói chuyện ngày 10-5-1950, Hồ Chí Minh nói: "Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ đá đít"²⁵. Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Người viết: "Tiếng dân chính là truyền lại ý trời"²⁶. Ngay cả chức Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng nói là "vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui"²⁷.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên "vác mặt quan cách mạng" xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh ý thức được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa dân tộc vì Đảng là đội tiên phong không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng viên không được cứ ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau; không

¹⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.303.

²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.289.

²¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290.

²² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.294.

²³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

²⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175.

²⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.367.

²⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.97.

²⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

phải cứ dán lên trán hai chữ "cộng sản" là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà phải trong công tác hằng ngày cố gắng học dân, làm cho dân tin, tức là coi trọng chữ TÍN - dân tin Đảng và Đảng tin dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại. Mất lòng tin là mất tất cả. Hướng vào việc phục vụ dân - đó chính là yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng. Đồng thời, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”²⁸, phải chú ý nâng cao dân chúng.

4.1.3.8. Đoàn kết quốc tế. Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin đã nhiều lần đề cập. Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và trong *Di chúc*, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”²⁹.

4.1.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức vừa có tài, trong sạch, vững mạnh.

- Đó phải là những con người trung thành tuyệt đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau.. Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng”³⁰.

- Đó phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

- Đó phải là những người luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách

²⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.333.

²⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.613.

³⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290-291.

mạng.

- Đó phải là những người luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Đó phải là những người có mối quan hệ mật thiết với nhân dân, làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khổ trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

- Đó phải là những người không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

Cán bộ, đảng viên phải là những người luôn luôn phòng và chống những tiêu cực, đặc biệt là tham ô, lãng phí, quan liêu mà Hồ Chí Minh cho đó là giặc nội xâm, là những kẻ địch bên trong, “mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”³¹. Hồ Chí Minh là người chỉ ra rất sớm, nêu rõ những tiêu cực của cán bộ, đảng viên và chỉ rõ những giải pháp khắc phục. Có thể đề cập sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên trên nhiều mặt: Về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống, v.v. Nhưng, điều thường thấy nhất và trực tiếp nhất là Hồ Chí Minh đề cập là về đạo đức, lối sống, về tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hồ Chí Minh nghiêm khắc chỉ rõ: "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi .thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi.thì phải hết sức sửa chữa.Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"³². Hồ Chí Minh còn cho rằng, một đảng giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng, “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên”³³. Trong các quan điểm của Hồ Chí Minh, có những về làm thành chính thể, đó là những đức tính: Nghiêm khắc và độ lượng; kỷ luật và khoan hòa; phòng đi trước và đi liền với chống; xử lý ba mối quan hệ đối với người, đối với việc và đối với mình đều trên cơ sở vừa có lý vừa có tình; có tấm lòng bao dung đi liền với xử lý một cách đúng người, đúng tội, đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bắt

³¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.278.

³² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.66.

³³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290.

kể người đó là ai, đảng viên thường hay là đảng viên là cán bộ giữ những chức vụ thấp hoặc cao trong bộ máy của Đảng, Nhà nước cũng như trong bộ máy của hệ thống chính trị nói chung. Ở bài báo trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Hồ Chí Minh là bài "*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*" (đăng báo *Nhân Dân*, số 5409, ngày 3-2-1969), Người vẫn dành nhiều ý về vấn đề tư cách, đạo đức, chống sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Sau khi nêu lên ưu điểm của đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ ra "còn một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém". Những người này mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết; ngại gian khổ, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa; tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành; coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán, chuyên quyền; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; không chịu học tập để tiến bộ; mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, kỷ luật; kém tinh thần trách nhiệm; không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"".

Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, vì Người cho rằng: "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng"³⁴; cán bộ là gốc của mọi công việc, "muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém"³⁵. Trong công tác cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả; phải đề bạt đúng cán bộ; phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng; phải kết hợp "cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương"³⁶; phải chống bệnh địa phương cục bộ; phải kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ; phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ; phải thường

³⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.

³⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.280.

³⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.276.

xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ.

4.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.2.1. Nhà nước dân chủ

4.2.1.1. Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. *Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân.* Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một công cụ mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để

tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, *bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc*. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn thể dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là của toàn dân, thuộc về toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

4.2.1.2. Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Nhà nước của dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”³⁷. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân. Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- *Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân.* Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”³⁷. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? *Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng*”³⁸; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”³⁹. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cây thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

- *Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại*

³⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 4*, tr. 65.

³⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 10*, tr. 572.

³⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 7*, tr. 434.

biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí

Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁴⁰; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁴¹, thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁴².

- *Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân.* Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

Nhà nước do dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”⁴³. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”⁴⁴. Dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để

⁴⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 9*, tr. 81.

⁴¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 12*, tr. 375.

⁴² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 5*, tr. 75.

⁴³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 9*, tr. 258.

⁴⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 9*, tr. 258.

xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”⁴⁵. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do dân.

Nhà nước vì dân

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”⁴⁶. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”⁴⁷. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng

⁴⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 10*, tr. 103.

⁴⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 4*, tr. 22.

⁴⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 4*, tr. 47.

suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”⁴⁸, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

4.2.2. Nhà nước pháp quyền

4.2.2.1. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* do Người gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *bảo đảm về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”⁴⁹.

Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, đồng thời, căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thấm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu”⁵⁰ để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

⁴⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, tr. 254.

⁴⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 1, tr. 469.

⁵⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, tr. 7.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo. đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

4.2.2.2. Nhà nước thượng tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật. Muốn vậy, trước hết, *cần làm tốt công tác lập pháp*. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất *chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật*.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải *“làm sao cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biến dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”*⁵¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật

⁵¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, tr. 223.

có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn *nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật*. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”⁵². Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v.. Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như: “thường có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”⁵³, lẫn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn *khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật*, đồng thời không ngừng nhắc nhở *cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp*. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lễ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”⁵⁴. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

4.2.2.3. Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa

Trước hết, đó là *nhà nước tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người*. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm

⁵² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 5*, tr. 581.

⁵³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 15*, tr. 225.

⁵⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 5*, tr. 382.

cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyền một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa, *pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện*. Cho nên, ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xóa bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

4.2.3.1. Kiểm soát quyền lực nhà nước

Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ Nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu*. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “dân ghét các ông chủ tịch, các ông Ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được

chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”⁵⁵. Vì thế, để đảm bảo tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”⁵⁶. Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”, v.v..

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁵⁷. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa

⁵⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 4*, tr. 51.

⁵⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 14*, tr. 362.

⁵⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 5*, tr. 325.

hắn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”⁵⁸.

4.2.3.2. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục.

Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hạch dịch với dân, lạm quyền, đồng thời đề vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”⁵⁹. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”⁶⁰. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ

với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp là tội tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai

⁵⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, tr. 507.

⁵⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, tr. 65.

⁶⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, tr. 358.

hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn...* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Thế là *bệnh quan liêu* đã ập đủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

“*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*”. Những căn bệnh trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, béo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài bệnh cây thế, có người còn kiêu ngạo, “tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng””¹, làm mất uy tín của Chính phủ.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, tự sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng với Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch, v.v.. Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp cơ bản như sau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thẳng tay trừng trị”, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có bất cứ vùng cấm nào.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa Xuân và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đục, có dịp “dĩ công vi tư””¹.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức,

chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hoá chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

4.3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

4.3.1. Về xây dựng Đảng

Đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. “Sai một ly thì đi một dặm”, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương. Đường lối, chủ trương này nhất khoát phải dựa trên nền tảng lý luận Mác-Lênin sáng tạo; phải phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu.

Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng. Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, trong đó có sự trong sạch của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn là “Đảng là đạo đức, là văn minh” như Hồ Chí Minh đã nêu. Cái thiếu nhất hiện nay là sự thống nhất giữa nói và làm trong Đảng. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như tiêu đề mà Hồ Chí Minh đã viết trong các văn bản hành chính.

Những sinh viên đang là đảng viên của Đảng cần chú trọng thực hiện thật tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, điều lệ Đảng, phải là công dân gương mẫu và là sinh

viên tốt. Những sinh viên chưa là đảng viên cần nghiên cứu, học tập thật tốt tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu trở thành người đảng viên hoặc người ủng hộ Đảng, góp phần đưa nước nhà sánh vai với các cường quốc năm châu, như Hồ Chí Minh đã viết trong Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9-1945.

4.3.2. Về xây dựng Nhà nước

Xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh

Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế,

chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

THAM KHẢO PHẦN 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

5.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng. Đại đoàn kết không chỉ là một chiến lược lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn là một chiến lược lớn cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau, song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết dân tộc, vì đó là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta.”¹, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”², “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”³, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”⁴, “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”⁵, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công”⁶.

5.1.1.2. Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là

¹ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 7, tr.392

² Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 7, tr.397

³ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 11, tr.22

⁴ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 11, tr.154

⁵ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 8, tr.392

⁶ Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 10, tr.607

mục tiêu lâu dài của cách mạng. Do đó, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”¹.

Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Bởi vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng, vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng. Từ trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.2.1. Lực lượng đại đoàn kết toàn dân

“Nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với nghĩa là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, với những mối liên hệ cả quá khứ và hiện tại, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nói đại đoàn kết toàn dân tộc cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Đó là lực lượng gồm nhiều tầng lớp, nhiều cấp độ các quan hệ liên kết qua lại giữa các thành viên, các bộ phận, các lực lượng xã hội, từ thấp đến cao, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới., đoàn kết trong Đảng; đoàn kết giai cấp; đoàn kết tôn giáo;

đoàn kết các dân tộc; đoàn kết các giai cấp, tầng lớp, người Việt Nam ở nước ngoài.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc,

phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào miễn là lực lượng đó có lòng trung thành và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, không là Việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng là được.

5.1.2.2. Điều kiện thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, *phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc*. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, *phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người*. Hồ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu. Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người mới có thể tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng.

Để thực hành đại đoàn kết rộng rãi, cần *có niềm tin vào nhân dân*. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxít “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”.

5.1.2.3. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên nền tảng đó. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền, gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹.

Đoàn kết dân tộc còn phải đoàn kết và thống nhất trong Đảng. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin; cương lĩnh, đường lối quan

điểm của Đảng; điều lệ Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp.

5.1.3. Mặt trận - hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Mặt trận chính là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng và hoạt động trên một số cơ sở sau đây: (1) Phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - trí; (2) Phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân; (3) Phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ; (4) Mặt trận là khối đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

5.1.4. Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.4.1. Nguyên tắc đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động

Suy đến cùng, có đoàn kết hay không và đoàn kết đến mức nào là tùy thuộc vào việc nhận thức và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lợi ích phức tạp, chằng chéo giữa cá nhân - tập thể; gia đình - xã hội; bộ phận - toàn thể; giai cấp - dân tộc, quốc gia - quốc tế. Các cặp quan hệ nói trên luôn chứa đựng những yếu tố thống nhất và mâu thuẫn; các yếu tố đó lại luôn luôn biến đổi theo sự vận động của đời sống thực tiễn, có lúc thì thống nhất với nhau, có lúc lại mâu thuẫn với nhau. Nguyên tắc đoàn kết của Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng, phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để hạn chế, giải quyết những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn theo phương châm chỉ đạo: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết và tất cả vì con người.

Quán triệt nguyên tắc này, trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội luôn xuất phát từ lợi ích thống nhất giữa dân tộc và giai cấp để đưa ra cương lĩnh, mục tiêu hành động cho phù hợp.

Tin vào dân, lấy dân làm gốc để thực hiện đại đoàn kết

Tin vào dân, dựa vào dân trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh chính là sự kế thừa và nâng cao tư duy chính trị truyền thống: “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”, “Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Nguyên tắc này của Người còn là sự quán triệt sâu sắc trong nhận thức, tình cảm, hành động, nguyên lý mácxít “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì dân là nguyên tắc tối cao, xuyên suốt trong tư duy chiến lược và hoạt động thực tiễn. Nguyên tắc sống còn đó được Người khái quát ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹ và “gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Đoàn kết trên cơ sở liên minh công - nông - trí do giai cấp công nhân lãnh đạo

Trong quá trình tập hợp, phát triển lực lượng cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhất quán một nhận thức khoa học: đoàn kết không phải là một tập hợp ngẫu nhiên, tự phát, nhất thời, mà phải là một tập hợp bền vững của các lực lượng xã hội có định hướng, có tổ chức, có lãnh đạo. Đây là một nguyên tắc cốt lõi phân biệt chiến lược đoàn kết Hồ Chí Minh với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của một số nhà yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và một số lãnh tụ cách mạng khác ở khu vực và trên thế giới.

Nói khái quát, đại đoàn kết phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo - đó là nguyên tắc nhất quán của Hồ Chí Minh. Chỉ có tuân thủ nguyên tắc này, đại đoàn kết mới có sức sống bền vững và trường tồn.

5.1.4.2. Phương pháp đại đoàn kết dân tộc

Phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng

Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng là một khoa học, nghệ thuật cách mạng, đòi hỏi các tổ chức, các cán bộ cách mạng phải tìm tòi, lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp để đưa đường lối, quan điểm của Đảng

Cộng sản, của lãnh tụ vào dân chúng, biến tư tưởng của Đảng thành tư tưởng, tình cảm

của mọi người.

Hồ Chí Minh là bậc thầy trong công tác vận động, giáo dục quần chúng. Đồng thời, Người cũng hết lòng chăm lo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng kiểu mới có đủ năng lực, phẩm chất làm hạt nhân đoàn kết dân chúng.

Phương pháp tổ chức

Để xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ngoài sử dụng công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng thì cần thiết phải có phương pháp tổ chức khoa học. Đó là phương pháp xây dựng, kiên toàn, không ngừng phát triển hệ thống chính trị cách mạng, từ Đảng, Nhà nước đến các đoàn thể quần chúng. Sự thống nhất và bền vững của hệ thống chính trị cách mạng, theo Hồ Chí Minh, chính là nhân tố quyết định sự tồn tại và sức mạnh của đoàn kết dân tộc.

Phương pháp xử lý đồng bộ các mối quan hệ nhằm thực hiện thêm bạn bớt thù

Trong thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc, giai cấp luôn phân định thành 3 trận tuyến: Lực lượng cách mạng, lực lượng phản cách mạng và ở giữa là một lực lượng trung gian. Thành bại trong cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng đối địch không chỉ tùy thuộc vào thực lực của mỗi bên, mà còn tùy thuộc một phần rất lớn vào yếu tố: bên nào tranh thủ được sự ủng hộ của lực lượng trung gian. Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh chính là phương pháp xử lý khoa học mối tương quan ba chiều; lực lượng cách mạng, lực lượng trung gian, lực lượng phản cách mạng đó, nhằm mục tiêu mở rộng đến mức tối đa trận tuyến cách mạng, tạo thế áp đảo của cách mạng đối với phản cách mạng để giành thắng lợi.

5.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

5.2.1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù là một trong những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là một

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, tr.282

trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do.. .Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

Là một nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh luôn có niềm tin bất diệt vào sức mạnh dân tộc. Ngay trong những năm tháng đen tối nhất của cách mạng, Người vẫn bộc lộ một niềm lạc quan tin tưởng rất mạnh mẽ và sâu sắc vào sức mạnh của dân tộc. Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhờ chú ý tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã từng bước phát hiện ra sức mạnh vĩ đại tiềm ẩn trong các trào lưu cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các trào lưu đó nếu được liên kết, tập hợp trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn. Sức mạnh đó luôn được bổ sung những nhân tố mới, phản ánh sự vận động, phát triển không ngừng của lịch sử toàn thế giới và tiến trình chính trị quốc tế sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với tình hình quốc tế, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

Đôi tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn. Đó là đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung; đoàn kết với nước Nga Xôviết, với Liên Xô và sau này mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới; đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, hai nước cùng cảnh ngộ với Việt Nam trên bán đảo Đông Dương đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân giành độc lập tự do cho mỗi dân tộc và hạnh phúc

Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, tr.282

cho nhân dân mỗi nước.

5.2.1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Ngay sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh. những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các đảng cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhờ kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã được bổ sung nguồn lực mới. Nhờ gương cao ngạo cờ chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, tr.282

to lớn hơn mình về nhiều mặt.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được mục tiêu đó, phải kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chống lại chủ nghĩa sô vanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác.

5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

5.2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết

Lực lượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình, dân chủ thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay. Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc. Chính vì vậy, Người đã lưu ý Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, tr.282

cách mạng vô sản”⁷. Thêm vào đó, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “làm cho đội quân tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”².

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh. Thật hiếm có những cuộc đấu tranh giành được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và lớn lao như vậy. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang như ngày nay.

5.2.2.2. Hình thức tổ chức

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc

địa”¹ chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để quan điểm này trở thành sự thật.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và cùng chung một kẻ thù là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, theo đúng quan điểm của Hồ Chí Minh về tập

⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, tr. 124

hợp lực lượng cách mạng, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh ; giúp Lào và Campuchia lập mặt trận yêu nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương.

Hồ Chí Minh chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em” với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử văn hoá lâu đời với Việt Nam; thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đấu tranh giành độc lập. Với các dân tộc châu Á, Người chỉ rõ, các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hoà bình thế giới mới thực hiện. Vận mệnh dân tộc châu Á có quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Do vậy, từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam.

Những năm đấu tranh giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh tìm mọi cách xây dựng các quan hệ với mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống phátxít, nhằm tạo thế cho cách mạng Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Như vậy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

5.2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Cũng như xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế, phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp chung của loài người tiến bộ.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngạo cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt

Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

Những quan điểm trên được Người thể chế hóa sau khi Việt Nam giành được độc lập. Tháng 9 năm 1947, trả lời nhà báo Mỹ S. Êli Mâyxi, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”⁸.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, tr.220

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Trong tiến trình đó, Người không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Nêu cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của nhân dân thế giới trong việc khẳng định cốt cách dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các dân tộc tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hoà hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, đấu tranh cho hoà bình, một nền hoà bình thật sự cho tất cả các dân tộc - “hoà bình trong độc lập tự do”⁹. Nền hoà bình đó không phải là một nền hoà bình trù tượng, mà là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”¹⁰, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của các quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hoà bình trong công lý, lòng thiết tha hoà bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

5.2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự cường

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, tr.109

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, tr.66

lấy mình đã”. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹¹. Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”¹². Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các Đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”¹³.

5.3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong chủ trương, đường lối của Đảng

Từ khi cả nước Việt Nam thống nhất bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, tr.522

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, tr.136

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, tr.235

Hồ Chí Minh về đại đoàn kết phù hợp với thời kỳ mới. Các Nghị quyết của Đảng đều toát lên những tư tưởng chỉ đạo là: Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, đặt lợi ích dân tộc, của đất nước và của con người lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội; nếu trước kia sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm, thì bây giờ sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu; phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Để phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đoàn kết dân tộc.

Cần tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong điều kiện mới trên cơ sở vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một điều kiện cho thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

5.3.2. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông – trí

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành đường lối chiến lược của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và biến thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh công - nông - trí, Đảng cần quán triệt sâu sắc hơn nữa trong thực tiễn cách mạng. Trong tình hình mới, Đảng cần thực hiện tốt quan điểm: “Đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹⁴

5.3.3. Đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế

Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp. *Trước hết*, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng văn minh. *Hai là*, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế. *Ba là*, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. *Bốn là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

¹⁴Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003 tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. 16

THAM KHẢO PHẦN 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

1.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.1.1. Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam

Hồ Chí Minh được tổ chức UNESCO ghi nhận là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam trong Nghị quyết 24C/18.65 của Khóa họp 24 Đại hội đồng UNESCO từ 20-10 đến 20-11-1987.

Nội dung Nghị quyết khẳng định Hồ Chí Minh để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người có sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghệ thuật. Tư tưởng của Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam và hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Cống hiến của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc sáng tạo văn hóa văn nghệ, xác lập hệ thống quan điểm về văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam. Cả cuộc đời Người chú trọng phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, chống giặc đói, xóa mù chữ.

Nền văn hóa mà Người chủ trương, kết hợp những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc được phát triển và nâng cao với tinh hoa văn hóa của nhân loại, thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Phải làm cho văn hóa đi sâu vào tâm lý quốc dân, đi vào cuộc sống mới. “Văn hóa phải sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên được hưởng”.

1.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Hồ Chí Minh có bốn cách tiếp cận chủ yếu về văn hóa: 1- Tiếp cận theo nghĩa rộng, tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt của con người; 2- Tiếp cận theo nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng; 3 - Tiếp cận theo nghĩa rất hẹp, là trình độ học vấn của con người; 4- Tiếp cận theo “phương thức sử dụng công cụ sinh hoạt”.

Tháng 8-1943, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhấn mạnh ý nghĩa của văn hóa. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn

cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Quan niệm văn hóa nêu trên của Hồ Chí Minh xuất hiện trong một bối cảnh thời gian và không gian đặc biệt, khi UNESCO chưa thành lập, cả nước đang tập trung cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đây là quan niệm văn hóa duy nhất theo nghĩa rộng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh có bàn đến văn hóa nhưng theo nghĩa hẹp, với ý nghĩa là kiến trúc thượng tầng, là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội.

1.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị

Hồ Chí Minh cho rằng trong đời sống có bốn vấn đề phải được coi là quan trọng ngang nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau, đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.. Nhưng ở nước Việt Nam thuộc địa, trước hết phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, xóa ách nô lệ, thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó chính là sự giải phóng chính trị để mở đường cho văn hóa phát triển. Tuy nhiên, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế

Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh giải thích rằng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được. Tuy nhiên, văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế. Tóm lại, sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển; ngược lại, mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội

Giải phóng chính trị đồng nghĩa với giải phóng xã hội, từ đó văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Trong xã hội thực dân- phong

kiến thì văn hóa không thể nảy sinh được. Văn học, nghệ thuật của dân tộc ta rất phong phú, nhưng trong chế độ nô lệ của kẻ áp bức, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn không thể phát triển được. Vì vậy phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên địa vị cầm quyền, thì mới giải phóng được văn hóa.

1.1.4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam.

Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Nó là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo Hồ Chí Minh, “âm nhạc dân tộc ta rất độc đáo. Bác đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng Bác vẫn nhớ những câu hát của dân ta. Ta có nhiều câu hát dân ca hay lắm. Bây giờ phải khai thác và phát triển nó lên”. Người nhấn mạnh, “những người cộng sản chúng ta rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ những ngọn nguồn cổ điển đó”. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”; “càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”. “Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật”. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi) là một quy luật của văn hóa. Theo Hồ Chí Minh, “văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và

Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”¹.

Hồ Chí Minh chú trọng chất lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Trao đổi với một nhà văn Liên Xô, Người nhấn mạnh rằng “các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần dứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại, tôi muốn nói điều khác. Nói đến việc mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa xôviết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời tránh nguy cơ trở thành kẻ bắt chước... Văn hóa của các dân tộc khác cần phải được nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình”². Nhận diện về hiện tượng văn hóa Hồ Chí Minh, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước Cụ”³.

Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ. Nội dung tiếp thu là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh. Tiêu chí tiếp thu là có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy. Mối quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

1.1.5. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

Văn hóa là mục tiêu. Mục tiêu là cái đích cần đạt tới. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, văn hóa là mục tiêu - nhìn một cách tổng quát - là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội dân chủ - dân là

¹ Hồ Chí Minh: *về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.350.

² Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr.516-517.

³ Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.331.

chủ và dân làm chủ -, công bằng, văn minh, ai cũng cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho một xã hội phát triển bền vững với ba trụ cột là bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Chúng ta có thể nhận thức ở những mức độ khác nhau trong di sản Hồ Chí Minh về các mục tiêu của Chương trình nghị sự XXI⁴, một phần quan trọng của chiến lược phát triển bền vững.

Văn hóa là động lực. Động lực là cái thúc đẩy làm cho phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho ta một nhìn nhận về động lực phát triển đất nước, bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực cộng đồng và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tất cả quy tụ ở con người và đều có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương chủ yếu diện sau.

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Tư duy biện chứng, độc lập, tự chủ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên là một động lực lớn dẫn đến tư tưởng và hành động cách mạng có chất lượng khoa học và cách mạng.

Văn hóa văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội. Với sứ mệnh “trồng người”, văn hóa giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc của người cách mạng. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay là không. Nhận thức như vậy để thấy văn hóa đạo đức là một động lực lớn thúc đẩy cách mạng phát triển.

Văn hóa pháp luật bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

Văn hóa là một mặt trận

⁴ Chương trình nghị sự XXI được 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua vào tháng 9 năm 2000 có 8 mục tiêu cụ thể: (1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; (2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; (4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Tăng cường sức khỏe bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; (7) Bảo đảm bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

Văn hóa là một trong bốn nội dung chính của đời sống kinh tế - xã hội, quan trọng ngang các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Nói mặt trận văn hóa là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa. Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.

Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật.

Mặt trận văn hóa là cuộc chiến đấu trên lĩnh vực văn hóa. Vì vậy anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, thời đại ta là một thời đại vẻ vang. Vì vậy chiến sĩ văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc anh hùng và thời đại vẻ vang.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng văn hóa của Người cũng vì nhân dân, phục vụ nhân dân. Theo Người, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân là phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn; phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Viết phải thiết thực, tránh cái lối viết rau muống mà ham dùng chữ. Nói cũng vậy. Nói ít, nhưng nói cho thâm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại “tìm trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

Chiến sĩ văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu

quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

1.1.6. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Tháng 8-1943, cùng với việc đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường. Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân. Xây dựng chính trị: dân quyền. Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943 trong Đề cương văn hóa Việt Nam về phương châm xây dựng nền văn hóa mới. Đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiên bộ và nhân văn.

1.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1.2.1.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng thế giới đã bàn nhiều về vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh rất sâu sắc, phong phú, cả về lý luận và thực tiễn, đã trở thành một bộ phận vô giá của văn hóa dân tộc và nhân loại, một sức mạnh to lớn làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là *nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người*. Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là cái *gốc* của con người. Thiếu đạo đức thì không thể thành người. Hồ

Chí Minh nhiều lần khẳng định đạo đức là gốc, là *nền tảng*, là *sức mạnh*, là *tiêu chuẩn hàng đầu* của người cách mạng. Người coi đạo đức như *gốc* của cây, như *nguồn* của sông suối. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”⁵. Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (1958), Hồ Chí Minh đã viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Người nói, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân phục, thì cần nhớ rằng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”⁶.

Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Trong bài *Người cán bộ cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Đạo đức cách mạng có thể nói tóm tắt là: *Nhận rõ phải, trái, giữ vững lập trường. Tận trung với nước. Tận hiếu với dân*. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay là không”⁷. Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang; đạo đức “có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp biến đổi xã hội cũ thành xã hội mới và xây dựng mỹ tục thuần phong”. Hồ Chí Minh đã nói, “Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước., khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác., không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thân, không kiêu ngạo, không hủ hóa”⁸.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh trăn trở với nguy cơ Đảng xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng, sự thoái hóa biến chất về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đảng cầm quyền nên có quyền lực chính trị, lãnh đạo nhà nước và

⁵ Sdd, t.5, tr.292, 293

¹ Sdd, t.11, tr.601.

⁶ Sdd, t.6, tr.16.

⁷ Sdd, t.9, tr.354

⁸ Sdd, t.11, tr.602, 603

xã hội. Nếu cán bộ, đảng viên không tu dưỡng đạo đức thì mặt trái của quyền lực có thể làm tha hóa con người nắm quyền lực. Vì vậy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”⁹ thì mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang. Người thường nhắc lại tinh thần của V.I. Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Trong *Di chúc*, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹⁰. “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””. “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”¹¹.

Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong đó, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, đạo đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt và đặt vững trên nền tảng đạo đức. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động. Đức có thể bổ sung sự khiếm khuyết của tài, nhưng tài không thể bù đắp được sự thiếu hụt của đức. Hồ Chí Minh khuyên chúng ta: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”¹.

Vai trò của đạo đức còn thể hiện là thước đo lòng cao thượng của con người.

⁹ Sđd, t.12, tr.403

¹⁰Sđd, t.15, tr.622

¹¹Hồ Chí Minh: Toàn tập, 2011, Sđd, t.13, tr. 68.

Trong đời sống của mỗi cá nhân, mỗi người có công việc khác nhau, nhưng ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng. Thực hành tốt đạo đức cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh nâng cao giá trị của mình mà còn tạo ra sức mạnh nội sinh giúp ta vượt qua mọi thử thách.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh cho rằng, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do, giả i phóng, trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình và chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực.

Hồ Chí Minh quan niệm, phong trào cộng sản công nhân quốc tế trở thành lực lượng quyết định vận mệnh của loài người không chỉ do chiến lược và sách lược thiên tài của cách mạng vô sản, mà còn do phẩm chất đạo đức cao quý làm cho chủ nghĩa cộng sản trở thành một sức mạnh vô địch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh “đỉnh cao truyền thống Nhân, Trí, Dũng Việt Nam”, “tinh hoa và khí phách của dân tộc”. “Nhân cách Hồ Chí Minh là nhân cách của một vĩ nhân không chỉ ở tầm dân tộc mà ở tầm thời đại, tầm nhân loại”. Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử. Tấm gương đạo đức trong sáng của một nhân cách vĩ đại, song cũng rất đời thường của Hồ Chí Minh có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Tấm gương sáng của Người, từ lâu đã là nguồn cổ vũ động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

6.2.1.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức được nêu ra là phù hợp với từng đối tượng, Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ nhất định. Từ đó, Người đã khái quát thành những chuẩn mực đạo đức chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới.

Một là, trung với nước, hiếu với dân

Trung với nước, hiếu với dân, là phẩm chất đạo đức bao trùm quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Trung và hiếu là những khái niệm đạo đức cũ đã có từ lâu trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất và cũng là phẩm chất bao trùm nhất: “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”. Phẩm chất này được Hồ Chí Minh sử dụng với những nội dung mới, rộng lớn: “Trung với nước, hiếu với dân”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Người nói: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”¹². Đầu năm 1946, Người đã nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”¹³.

Trước đây là “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”, là trung quân, trung thành với vua; trung thành với vua cũng có nghĩa là trung thành với nước, vì vua với nước là một, vua là nước, nước là nước của vua. Còn “hiếu” thì chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình, là con thì phải hiếu thảo với cha mẹ. Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân là chủ nhân của nước. Khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”. “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”. “Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹⁴. Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân”, thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước; rất ít lãnh tụ cách mạng đã nói về dân như vậy, điều này càng làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt xa lên phía trước.

“Trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹⁵. Luận điểm đó của Hồ Chí Minh vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam không chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng trước đây, hôm nay, mà còn lâu dài về sau

¹²Sđđ, t.7, tr.220.

¹³Sđđ, t. 4, ừ. 170

¹⁴Sđđ t.6, tr.232

¹⁵Sđđ, t.14, tr.435

nữa.

Hồ Chí Minh đã sử dụng khái niệm “trung, hiếu” trong tư tưởng đạo đức truyền thống dân tộc và bổ sung những giá trị đạo đức mới, mở rộng nội dung, hiện đại và phù hợp, “*Trung với nước, hiếu với dân*”, đã tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Quan điểm về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh khác hẳn về chất, vượt trội so với các quan điểm về đạo đức trong các xã hội cũ.

Hồ Chí Minh cho rằng, *trung với nước phải gắn liền hiếu với dân. Trung với nước*, là phải yêu nước, gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, với con đường đi lên của đất nước, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng. *Hiếu với dân*, là phải thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc, “*. phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân*”¹⁶.

Hai là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người, là *đại cương đạo đức* Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, từ *Đường Kách mệnh* đến bản *Di chúc* cuối cùng.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, “bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện mà lại bắt nhân dân tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”¹⁷. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

“Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng là những khái niệm cũ trong đạo đức truyền thống dân tộc, được Hồ Chí Minh lọc bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

“*Cần* tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”. “Muốn cho chữ *Cần* có nhiều kết quả hơn, thì phải có *kế hoạch* cho mọi công việc”¹⁸. Cần tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng. Phải thấy rõ, “Lao động là *nghĩa vụ*

¹⁶Sdd, t.13, tr. 67.

¹⁷Sdd, t.7, tr.220

¹⁸Sdd,t.6, tr. 116

thiên liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta”¹⁹.

Kiệm “là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”²⁰. *Kiệm* tức là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù. “Cần với kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người”²¹. Bác Hồ thường nhắc nhở “*Phải cần kiệm xây dựng nước nhà*”²².

Liêm “là trong sạch, không tham lam”²³; là liêm khiết, “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân”, “*Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ*”²⁴. “*Chữ Liêm phải đi đôi với chữ Kiệm. Cũng như chữ Kiệm phải đi với chữ Cần. Có Kiệm mới Liêm được*”²⁵.

Chính “nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà”⁶. *Chính* được thể hiện rõ trong 3 mối quan hệ: “*Đối với mình - Chớ tự kiêu, tự đại*”. “*Đối với người:... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn,... Phải thực hành chữ Bác - Ái*”⁷. “*Đối với việc: Phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà*”. Bác Hồ đã dạy: “*Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh*”⁸.

Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Người thường nhắc nhở cán bộ, công chức, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hạn. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Chí công vô tư, là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết. *Chí công vô tư* là nêu cao chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “*Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc*”. “*Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau*”.

¹⁹Sđđ, t.13, tr.69

²⁰Sđđ, t.6, tr. 122

²¹Sđđ, t.6, tr.122

²²Sđđ, t.13, tr.69

²³Sđđ, t.6, tr. 126

²⁴Sđđ, t.5, tr. 292

^{7 8 9}, Sđđ, t.6, tr. 126,129,130,131

Đối lập với “chí công vô tư” là “*dĩ công vi tư*”, đó là điều mà đạo đức mới đòi hỏi phải chống lại.

Chí công vô tư, về thực chất là nói tiếp cần, kiệm, liêm, chính. Người giải thích: “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “*dĩ công vi tư*”. Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân”²⁶.

Hồ Chí Minh quan niệm, đối với một quốc gia, cần, kiệm, liêm chính là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần; thể hiện sự văn minh, tiến bộ. Cần, kiệm, liêm, chính còn là nền tảng của đời sống mới, của các pho ng trào thi đua yêu nước. Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất; “Thiếu một đức, thì không thành người”²⁷.

Ba là, thương yêu con người, sống có tình nghĩa

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thập kỷ, cùng với việc thể nghiệm chính bản thân mình qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình thương yêu con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để đem lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người.

Tình yêu thương con người, là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình thương người, yêu đồng loại, yêu đồng bào, yêu đất nước mình là tư tưởng lớn, là mục tiêu phấn đấu của Người, đã được thể hiện ở sự ham muốn tột bậc của Hồ Chí Minh “là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Đây là *yếu tố cốt*

²⁶ Sđd, t.6, tr.127

²⁷Sđd, t.6, tr.117

lời đầu tiên tạo nên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó cũng là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và là lý tưởng nhân văn của Người.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc, chứ không phải là thái độ “dĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Người thường dạy: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa

Mác - Lênin được”²⁸. Trong *Di chúc* Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”, “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”²⁹

Bốn là, tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Điều này được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc.

Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với các dân tộc bị áp bức, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền. Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình.

Đoàn kết quốc tế là nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng Việt Nam, và những mục tiêu chung của thời đại, theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em”. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới và đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền *văn*

²⁸ Sđd, t.15, tr. 668

²⁹ Sđd, t.15, tr.662

hóa hòa bình cho nhân loại; là di sản thời đại vô giá của Người về hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển giữa các dân tộc.

6.2.1.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

Một là, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Nói đi đôi với làm, là nét đẹp trong đạo đức truyền thống của dân tộc được Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới, Người coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới. Nguyên tắc cơ bản này là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, nó đã trở thành phương pháp luận trong cuộc sống và là nền tảng triết lý sống hết sức bình dị mà vô cùng sâu sắc của Người: “Nói đi đôi với làm”. Tác phẩm *Đường cách mệnh*, khi đề cập đến *tư cách của một người cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “nói thì phải làm”; trong bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Người yêu cầu cán thực hiện “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã giáo dục mọi người và chính Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất.

Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm. “Nói đi đôi với làm” là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả của giai cấp bóc lột, nói một đằng làm một nẻo, thậm chí nói mà không làm. Ngay sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của thói đạo đức giả ở một số cán bộ, “vác mặt làm quan cách mạng”, nói mà không làm. Sau này, Người đã nhiều lần bàn đến việc tẩy sạch căn bệnh quan liêu, coi thường quần chúng của một số cán bộ, đảng viên “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ”³⁰, làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Chính phủ trước nhân dân.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Để đạo đức cách mạng thấm sâu, bám chắc vào đời sống xã hội và trở thành nền tảng tinh thần của nhân dân lao động, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa”³¹. Sự gương

³⁰ Sđd, t.7, tr. 176

³¹ Sđd, t.4, tr. 171

mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng, mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân mình. Lời nói đi đôi với việc làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh đã viết: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”³². Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiên phong mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Theo Hồ Chí Minh, hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng “đạo làm gương”. Đối với cán bộ, đảng viên, Người nêu luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”³³. Người nói: “Lấy gương “người tốt, việc tốt” để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”³⁴. Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập...bởi vì, theo Người: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, thành biển cả”³⁵. Không nhận thức được điều này là “chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc”. Người nói: “Người tốt, việc tốt” nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”³⁶.

Như vậy, một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức hằng ngày của mỗi người và của toàn xã hội.

³² Sđd, t.1, tr. 284

³³ Sđd, t.6, tr.16

³⁴ Sđd, t.15, tr. 672

³⁵ Sđd, t.15, tr. 663

³⁶ Sđd, t.15, tr. 663

Hai là, xây đi đôi với chống

Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên tắc xây đi đôi với chống là đòi hỏi của nền đạo đức mới, thể hiện tính nhân đạo chiến đấu vì mục tiêu của sự nghiệp cách mạng; *xây* tức là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực về đạo đức mới; *chống* là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức.

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau, thậm chí trong mỗi con người. “Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay”³⁷. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây, lấy xây làm chính.

Vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người, để mọi người *tự giác* nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình và như Hồ Chí Minh đã nói, cảm nhận thấy sâu sắc và trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm “sung sướng và vẻ vang nhất trên đời”. Tiếp nhận *sự giáo dục* đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu được, nhưng *sự tự giáo dục, tự trau dồi* đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức mới phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau; phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người. Theo Hồ Chí Minh, “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”³⁸. Bản thân sự tự giác cũng là một phẩm chất đạo đức cao quý đối với mỗi người và mỗi tổ chức, trước hết là đối với đảng viên, cán bộ.

Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức

³⁷ Sđd, t.5, tr.314.

³⁸ Sđd, t.15, tr.672.

mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Đây thực sự là “một cuộc chiến đấu khổng lồ” giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng. Muốn giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức; phải chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật, kết hợp nhuần nhuyễn “đức trị”, với “pháp trị”.

Xây dựng đạo đức mới cho cán bộ, đảng viên và hàng triệu, hàng triệu con người phải *bồi dưỡng những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới* từ gia đình đến nhà trường và xã hội; chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức. Trong bài *Chống quan liêu, tham ô, lãng phí* (1952), Người chỉ rõ: “quan liêu, tham ô, lãng phí là *tội ác*. Phải tẩy sạch nó để thực hiện cần kiệm liêm chính”³⁹. Nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn là *chủ nghĩa cá nhân*. Trong bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969), Người viết: “muốn xây dựng đạo đức mới, phải chống cho được chủ nghĩa cá nhân”; “phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật”⁴⁰.

Ba là, tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh, tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ. Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người. Hồ Chí Minh hằng quan tâm, phải làm thế nào đó để mỗi người tự nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là một việc “*sung sướng vẻ vang nhất trên đời*”. Người nhắc lại luận điểm của Khổng Tử “chính tâm, tu thân”; “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, và nêu rõ: “Chính tâm tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng. Dù khó khăn gian

³⁹ Sđd, t.7, tr.457

⁴⁰ Sđd, t.15, tr. 547

khô, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công”⁴¹.

Đạo đức cách mạng là đạo đức dân thân, đạo đức trong hành động vì độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Chỉ có trong hành động, đạo đức cách mạng mới bộc lộ rõ những giá trị của nó. Do vậy, đạo đức cách mạng đòi hỏi mỗi người phải tự giác rèn luyện thông qua các hoạt động thực tiễn, trong công việc, trong các mối quan hệ của mình, phải nhìn thẳng vào mình, không tự lừa dối, huyênh hoặc; phải thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện của mình để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác của mình để khắc phục; phải kiên trì rèn luyện liên tục, tu dưỡng suốt đời, trong đó, thời tuổi trẻ đặc biệt quan trọng. Đạo đức không phải là cái gì đó có tính “nhất thành bất biến”, mà nó được hình thành, phát triển do hoàn cảnh giáo dục, do sự rèn luyện, phấn đấu và tu dưỡng bản thân của mỗi người. Từ thực tiễn, Người tổng kết sâu sắc: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁴². Từ đó, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải thường xuyên được giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức. Người chỉ rõ, “Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết phải cải tạo bản thân chúng ta”. Thực hiện việc này phải kiên trì, bền bỉ. Nếu không kiên trì rèn luyện, thì ở thời kỳ trước là người có công, nhưng thời kỳ sau có thể lại là người có tội, lúc trẻ giữ được đạo đức, nhưng lúc già lại thoái hóa biến chất, hư hỏng. Từ rất sớm, Người đã lưu ý: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁴³.

1.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1.3.1. Quan niệm về con người

Theo Hồ Chí Minh, con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực,

⁴¹ Sđd, t.8, tr. 300, 301.

⁴² Sđd, t.11, tr. 612

⁴³ Sđd, t.15, tr. 672

thể lực, đa dạng bởi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, quan hệ giai cấp, dân tộc...) và các mối quan hệ xã hội (quan hệ chính trị, văn hóa, đạo đức, tôn giáo...). Trong mỗi con người đều có tính tốt và tính xấu. Người giải thích “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bè bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là cả loài người”. Con người có tính xã hội, là con người xã hội, thành viên của một cộng đồng xã hội.

Hồ Chí Minh cũng cho ta những hiểu biết về yếu tố sinh vật của con người. Theo Người, “dân dĩ thực vi thiên”; “dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”. Theo Người, trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phải thực hiện ngay làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành.

Trong thực tiễn, con người có nhiều chiều quan hệ: quan hệ với cộng đồng xã hội (là một thành viên); quan hệ với một chế độ xã hội (làm chủ hay bị áp bức); quan hệ với tự nhiên (một bộ phận không tách rời).

Xa lạ với con người trừu tượng, phi nguồn gốc lịch sử, Hồ Chí Minh nhìn nhận con người lịch sử - cụ thể về giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, vị trí, đảng viên, công dân..., trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nét đặc sắc trong quan niệm của Hồ Chí Minh về con người là nhìn nhận đặc điểm con người Việt Nam với những điều kiện lịch sử cụ thể, với những cấu trúc kinh tế, xã hội cụ thể. Cách tiếp cận này đi đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp rất sáng tạo, không chỉ về mặt đường lối cách mạng mà cả về mặt con người.

1.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Con người là mục tiêu của cách mạng

Con người là chiến lược số một trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh. Mục tiêu này được cụ thể hóa trong ba giai đoạn cách mạng (giải phóng dân tộc - xây dựng chế độ dân chủ nhân dân - tiến dần lên xã hội chủ nghĩa) nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc. Con người trong giải phóng dân tộc là cả cộng đồng dân tộc Việt Nam. Phạm vi thế giới là giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Giải phóng xã hội là đưa xã hội phát triển thành một xã hội không có chế độ

người bóc lột người, một xã hội có nền sản xuất phát triển cao và bền vững, văn hóa tiên tiến, mọi người là chủ và làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một xã hội văn minh, tiến bộ. Xã hội đó phát triển cao nhất là xã hội cộng sản, giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Giải phóng giai cấp là xóa bỏ sự áp bức, bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác; xóa bỏ sự bất công, bất bình đẳng xã hội; xóa bỏ nền tảng kinh tế - xã hội đẻ ra sự bóc lột giai cấp; dần dần thủ tiêu sự khác biệt giai cấp, các điều kiện dẫn đến sự phân chia xã hội thành giai cấp và xác lập một xã hội không có giai cấp. Con người trong giải phóng xã hội là các giai cấp cần lao, trước hết là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Phạm vi thế giới là giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước.

Giải phóng con người là xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch con người; xóa bỏ các điều kiện xã hội làm tha hóa con người, làm cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát huy năng sáng tạo, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân, phát triển toàn diện theo đúng bản chất tốt đẹp của con người. Con người trong giải phóng con người là cá nhân mỗi con người. Phạm vi thế giới là giải phóng loài người.

Các “giải phóng” đó kết hợp chặt chẽ với nhau, giải phóng dân tộc đã có một phần giải phóng xã hội và giải phóng con người; đồng thời nối tiếp nhau, giải phóng dân tộc mở đường cho giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Con người là động lực của cách mạng

Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Người nhấn mạnh “mọi việc đều do người làm ra”; “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân”. “Ý dân là ý trời”. “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhân dân là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản nhất như lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Nói đến nhân dân là nói đến lực lượng, trí tuệ, quyền hành, lòng tốt, niềm tin, đó chính là gốc, động lực cách mạng.

1.3.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Ý nghĩa của việc xây dựng con người

Xây dựng con người là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh nêu hai quan điểm nổi bật làm sáng tỏ sự cần thiết xây dựng con người.

“Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người”⁴⁴ là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Nhiệm vụ “trồng người” phải được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. “Trồng người” phải được tiến hành bền bỉ, thường xuyên trong suốt cuộc đời mỗi người, với ý nghĩa vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị-xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người.

“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa như lý tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đi trước, làm gương lôi cuốn người khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bất

⁴⁴ Đây là lời của Quán Trọng thời Xuân Thu: “Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân” (kế hoạch một năm không gì bằng trồng lúa, kế hoạch mười năm không gì bằng trồng cây, kế hoạch trăm năm không gì bằng trồng người)

cứ phong trào cách mạng nào, tiên tiến là số ít và số đông là trung gian, muốn củng cố và mở rộng phong trào, cần phải nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ của trung gian để kéo chậm tiến”¹.

Nội dung xây dựng con người

Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ. Xây dựng con người toàn diện với những khía cạnh chủ yếu sau:

- Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.
- Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc.
- Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng.
- Có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; bồi dưỡng về năng lực trí tuệ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, sức khỏe.

Phương pháp xây dựng con người

Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Hồ Chí Minh thường nói đến “tu thân, chính tâm” thì mới có thể “trị quốc, bình thân hạ” (làm những việc có lợi cho nước, cho dân). Văn hóa phương Đông cho thấy “một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” và “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Hồ Chí Minh thường nhắc lại những điều ấy trong khi bàn biện pháp xây dựng con người. Người nói rằng “lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày để giáo dục lẫn nhau” là rất cần thiết và bổ ích.

Biện pháp giáo dục có một vị trí quan trọng. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng “hiền, giữ của con người không phải là tính sẵn. Phần nhiều do giáo dục mà nên”. Theo Người, các cháu mẫu giáo, tiểu học như tờ giấy trắng. Chúng ta vẽ xanh thì xanh, vẽ

đỏ thì đỏ. Nói như vậy để thấy giáo dục rất quan trọng trong việc xây dựng con người.

Chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào cách mạng như “Thi đua yêu nước”, “Người tốt việc tốt”. Đặc biệt phải dựa vào quần chúng theo quan điểm “dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”¹.

1.4. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.4.1. Sự cần thiết phải xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay

Thực trạng xây dựng văn hóa và con người

Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa, với nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học công nghệ có nhiều biến động. Thuận lợi và khó khăn đan xen.

Quan hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt là trong những năm qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, chúng ta đã đạt được những kết quả nhất định trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức con người. Nhờ đó, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng

con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”¹. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng.

Vấn đề đặt ra

Phải thấy hết thuận lợi và khó khăn, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật về những ưu điểm và hạn chế để có biện pháp xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điểm mấu chốt, sống còn hiện nay là lấy lại lòng tin của nhân dân. Phải rất coi trọng công tác dân vận; phải an trong để giải quyết bên ngoài, vì kẻ thù bên trong nguy hiểm hơn kẻ thù bên ngoài. Cùng với quan tâm phát triển kinh tế, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, đặc biệt phải đặt lên hàng đầu và xuyên suốt phong cách quần chúng, dân chủ. Giảm tăng trưởng kinh tế, sớm hoặc muộn sẽ khắc phục được, nhưng mất lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ là mất tất cả.

1.4.2. Một số nội dung xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (7/1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.124-125.

thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo tinh thần các nghị quyết của Đảng, chúng ta phải nhận thức sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ khái niệm văn hóa và vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững. Mỗi bước đi lên, phát triển của đất nước đều có dấu ấn và sự khai sáng của văn hóa. Cần phải nhận thức những yếu tố bản chất của văn hóa như văn hóa gắn với con người, phản ánh những mặt căn cốt như tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử. Văn hóa còn thì chế độ còn, văn hóa mất thì chế độ mất; không gì đáng sợ bằng văn hóa lâm nguy. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Muôn việc thành công hay thất bại của cá nhân, tổ chức, cộng đồng, đất nước đều do có văn hóa hay tha hóa về văn hóa. Tập trung xây dựng văn hóa chính trị và các lĩnh vực văn hóa khác như văn hóa bốn phạm, văn hóa công bộc, văn hóa ứng xử, văn hóa phê bình... Nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội.

Phát huy và trọng dụng nhân tố con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Trọng dụng trí thức, nhân tài. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn,

công bằng vì con người, tạo động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng con người Việt Nam, *Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII* (7-1998) nêu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam với những hệ giá trị chung thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là con người có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016) nêu phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁴⁵. Đại hội XII nêu các nhiệm vụ cụ thể: 1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là mục tiêu của chiến lược phát triển. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Đấu tranh phê phán đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. 2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế

⁴⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.126.

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, trong các địa phương, làng bản... Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. 3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. 4. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa. 5. Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. 6. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. 7. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. 8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

Về xây dựng đạo đức

Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một bậc vĩ nhân, nhà hiền triết, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản ưu tú; đồng thời, cũng là tấm gương đạo đức của một người chân chính, bình thường, gần gũi ai cũng có thể học theo và làm theo để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt hơn. *“Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên “tốt” hơn, đạt đến “chân thiện mỹ” của con người Việt Nam ngày nay và mai sau”*⁴⁶.

Hồ Chí Minh quan niệm, đối với các dân tộc phương Đông giàu tình cảm, trọng đạo lý, việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng. Đạo đức là yếu tố cơ bản của nhân cách tạo nên giá trị con người, vì vậy ai cũng phải tu dưỡng hoàn thiện mình về đạo đức. Đối với thế hệ trẻ, việc tu dưỡng này càng quan trọng hơn, vì họ là “người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”⁴⁷. Thế hệ trẻ là cái cầu nối các thế hệ, “Thanh niên là người *tiếp sức* cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”⁴⁸. Chính vì vậy, từ rất sớm Hồ Chí Minh đã chú trọng giáo dục đạo đức, chăm lo rèn luyện đạo đức cho sinh viên. Người yêu cầu: “Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức. chẳng những không làm được gì có ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ... không làm hại gì, nhưng cũng không có lợi

⁴⁶ Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, tr. 292).

⁴⁷ Sđd, t.5, tr.216

⁴⁸ Sđd, t.13, tr. 298

gì cho loài người”⁴⁹. Người chỉ rõ: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ được tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ”⁵⁰.

Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

Cũng như cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân khác, đối với tầng lớp sinh viên, thanh niên trí thức, Hồ Chí Minh kỳ vọng rất lớn vào thanh niên và đã xác định những phẩm chất đạo đức tối cần thiết để họ có phương hướng phấn đấu, rèn luyện. Trong *Bài nói tại Đại hội Sinh viên Việt Nam lần thứ II*, (1958), Người căn dặn, ngày nay thanh niên cần phải có đức, có tài để xây dựng chủ nghĩa xã hội; những phẩm chất đạo đức cần phải có được Người nêu rõ là “phải có sáu cái yêu:

Yêu Tổ quốc: Yêu như thế nào? Yêu là phải làm sao cho Tổ quốc ta giàu mạnh. Muốn cho Tổ quốc ta giàu mạnh thì phải ra sức lao động, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Yêu nhân dân: Mình phải hiểu rõ sinh hoạt của nhân dân, biết nhân dân còn cực khổ như thế nào, biết chia sẻ những lo lắng, những vui buồn, những công tác nặng nhọc với nhân dân.

Yêu chủ nghĩa xã hội: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm.

Yêu lao động: Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu lao động, vì không có lao động thì chỉ là nói suông.

Yêu khoa học và kỷ luật: Bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học và kỷ luật”⁵¹.

Theo Hồ Chí Minh, để có được những phẩm chất như vậy, sinh viên phải rèn luyện cho mình những đức tính như: Trung thành, tận tụy, thật thà, trung thực và chính trực, phải xác định rõ nhiệm vụ của mình, “không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho ích nước lợi nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào”⁵². Trong học tập, nghiên cứu, rèn luyện, phải kết hợp lý luận với thực hành, học tập với lao động; phải chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng háo danh, háo lợi. “Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng

⁴⁹Sđđ, t.11, tr. 399

⁵⁰Sđđ, t.11, tr.603

⁵¹Sđđ, t.11, tr.400, 401.

⁵²Sđđ, t.9, tr. 265

xa xỉ. Chống cách sinh hoạt uỷ mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”⁵³. Phải trả lời được câu hỏi: Học để làm gì? Học để phục vụ ai? Phải xác định rõ thế nào là tốt, thế nào là xấu? Ai là bạn, ai là thù?”. Theo Hồ Chí Minh, “*Đối với người*, ai làm gì lợi ích cho nhân dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ là ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù. *Đối với mình*, những tư tưởng và hành động có lợi ích cho Tổ quốc, cho đồng bào là bạn. Những tư tưởng và hành động có hại cho Tổ quốc và đồng bào là kẻ thù. Điều gì phải, thì phải cố làm cho kỳ được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ”¹.

Thực trạng đạo đức, lối sống trong sinh viên hiện nay

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, đạo đức giải phóng xã hội, giải phóng con người và do con người; đạo đức lý luận gắn với thực tiễn, thấm đậm triết lý nhân sinh, triết lý hành động: nêu cao chủ nghĩa tập thể, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân, vô ngã vị tha, chí công vô tư. Dưới ngọn cờ của tư tưởng đó, trong từng giai đoạn cách mạng, thế hệ trẻ Việt Nam đã lập được nhiều kỳ tích to lớn, đóng góp quan trọng làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Trong sự nghiệp đổi mới, đi vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, tác động của kinh tế tri thức, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành cùng với công cuộc đổi mới của Đảng, là nguồn động lực quan trọng của sự nghiệp phát triển đất nước. Đó là nền đạo đức vừa phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc như yêu nước, thương người, sống nghĩa tình trọn vẹn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với những yêu cầu mới, những nội dung mới do đòi hỏi của dân tộc và thời đại. Nhờ đó, phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức vẫn giữ được lối sống nhân hậu, tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; khiêm tốn, luôn cần cù và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn, thách thức, dám chịu trách nhiệm, không ỷ lại, trây lười; sống có bản lĩnh, “sống có trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình và bản thân, có ước mơ, hoài bão, kiên thức, kỹ năng, sức khỏe tốt, tư duy năng động, sáng tạo, lạc quan, tự tin, dám nghĩ, dám làm; có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; luôn gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng, chạy theo danh lợi bất chấp đạo lý đã dẫn đến những tiêu cực trong đời sống xã hội ngày càng phổ biến. Đó là: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ

⁵³Sđd, t.9, tr. 265

quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”⁵⁴. Đó là tình trạng “một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ hoàn thành nhiệm vụ”⁵⁵. Đó còn là những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục, sự chống phá của thế lực phản động quốc tế nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, không ít cán bộ, đảng viên “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đã tác động không nhỏ đến đời sống đạo đức công dân, ảnh hưởng lớn đến tâm tư, tình cảm, ý chí phấn đấu của sinh viên, thanh niên trí thức; có một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút sách; thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp. “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng. kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm”⁵⁶. Đây là những biểu hiện không thể coi thường.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, nguyên nhân chủ quan là nhận thức chưa đầy đủ vai trò nền tảng của đạo đức trong ổn định, phát triển xã hội và tác động của cơ chế thị trường đến đạo đức xã hội; chưa coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống trong sự kết hợp giáo dục các cấp, các ngành, gia đình, xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên và gia đình chưa gương mẫu về đạo đức, lối sống. Nhưng chủ yếu là do các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên chưa làm tốt trách nhiệm chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục và phát huy thế hệ trẻ; chưa giải quyết thoả đáng những vấn đề của thực tiễn đặt ra; nhận thức về tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục thế hệ trẻ chưa đầy đủ. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội và các đoàn thể còn thiếu chặt chẽ. Đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách, đạo đức của thế hệ trẻ. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, chưa là tấm gương để thế hệ trẻ học tập và noi theo. Nội dung, hình thức dạy và học các môn lý luận chính trị, đạo đức, lối sống chưa thực sự phù hợp với từng đối tượng thế hệ trẻ.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà đạo đức lỗi lạc mà còn là một tấm gương

⁵⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, H. 2006, Nxb. CTQG, tr. 65.

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sdd, tr. 66.

⁵⁶ *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội, 2016, Nxb. CTQG, tr. 61.

đạo đức vô song. Chính điều này đã đem lại cho tư tưởng và tấm gương đạo đức của Người có một sức sống mãnh liệt và sự cổ vũ lớn lao không chỉ với nhân dân Việt Nam mà còn cả với nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh vì dân chủ và tiến bộ xã hội. Phần đầu trở thành người có ích cho xã hội, người chủ tương lai của nước nhà, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và sinh viên, thanh niên trí thức nói riêng cần phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Dưới đây là *một số nội dung cơ bản* định hướng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Một là, học trung với nước, hiếu với dân suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người Việt Nam đẹp nhất và là một trong những con người đẹp nhất của thời đại chúng ta. Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả cuộc đời mình cho cách mạng. Người đã chấp nhận một sự hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, “giàu sang thể không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”⁵⁷ nhằm thực hiện bằng được mục tiêu đó. Người nói: “Bài học chính trong đời tôi là tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến đời mình cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hoà bình giữa các dân tộc”; “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”⁵⁷. Đến lúc phải xa rời thế giới này, điều luyến tiếc duy nhất của Người là “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

Tấm gương vì nước, vì dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người của Hồ Chí Minh đã được nhân dân thế giới và bạn bè quốc tế thừa nhận và kính phục. Họ đã dùng những lời lẽ đẹp đẽ và trang trọng nhất để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nhà cách mạng triệt để”, “nhà hoạt động quốc tế thần thoại”, “Cuộc đời Đồng chí Hồ Chí Minh là một thiên thần thoại”⁵⁸; “một lãnh tụ có sự kết hợp hiếm có giữa lòng khoan dung tốt độ và ý chí kiên quyết nhất. Người cũng là nhân vật nổi bật nhất trong thời đại của chúng ta”⁵⁹. Chủ tịch Phiden Caxtorô (Cu Ba) đã viết: “Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất. Hiếm có một nhà

⁵⁷ Sđd, t.4, tr. 470

⁵⁸ Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh, Nxb. Thanh niên, 2004, tr.16

⁵⁹ Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh, Nxb. Thanh niên, 2004, tr.36.

lãnh đạo nào trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như vậy. Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đòi đòi bất diệt”⁶⁰.

Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường

Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất, đó là tư cách người cán bộ cách mạng, và tự mình Người đã gương mẫu thực hiện. Suốt đời Người sống trong sạch thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn vì nước, vì dân, vì con người, không gợn chút riêng tư. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Hồ Chủ tịch không có cái gì riêng. Cái gì của nước, của dân là của Người. Quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng đêm ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam”⁶¹.

Là lãnh tụ cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một nếp sống thanh bạch tao nhã, giản dị, khiêm tốn, khắc khổ, cần lao và tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc cho dân. Toàn thể nhân dân Việt Nam và thế giới đều biết bộ ka ki bạc màu, đôi dép lốp mòn, cái nhà sàn gỗ đơn sơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nói về những đức tính vĩ đại của Hồ Chí Minh, X. Agiendê - vị Tổng thống anh hùng của nước Cộng hoà Chilê đã khái quát: “Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường”⁶².

Ba là, học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la đối với con người. Tình thương đó gắn liền với niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Người luôn dạy cán bộ, đảng viên việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, phải học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Người phê phán quyết liệt đầu óc “quan cách mạng” và tự mình thường xuyên đi xuống cơ sở để tìm hiểu “lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người không quan trọng”. Là người có uy tín rất cao và sức hấp dẫn rất lớn, song không bao giờ Hồ Chí Minh đặt mình cao hơn nhân dân, chỉ tâm niệm suốt đời là công bộc của nhân dân, “như một người lính vâng mệnh

⁶⁰ Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thanh niên, 2004, tr.6, 7.

⁶¹ Đinh Xuân Dũng (Chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45

⁶² *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 378

lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”⁶³.

Với tình thương yêu bao la, Hồ Chí Minh giành cho tất cả, chia sẻ với mọi người những nỗi đau riêng. Tháng 7 năm 1969, khi tiếp và trả lời nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo *Granma* (Cuba): Người nói: “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi.; Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹. Cách mạng Tháng Tám thành công cũng là lúc Việt Nam vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhịn ăn ba bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đóng góp lon gạo của mình như mọi người dân. Đi thăm trại tù binh trong chiến dịch Biên giới về, Người không còn áo khoác ngoài vì Người đã cho tên quan ba thầy thuốc Pháp bị rét cồng.

Lòng nhân ái, khoan dung, nhân hậu của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đại nghĩa của dân tộc, nên có sức mạnh và cảm hóa to lớn trong việc xây dựng và tái tạo lương tri. Ở Hồ Chí Minh, thương người là một tình cảm lớn. Cho nên, khi làm cách mạng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề tự do và hạnh phúc đi đôi. Đó chính là biểu hiện chủ nghĩa nhân văn cộng sản vừa thánh thiện, vừa gần gũi, đã làm xúc động trái tim nhân loại và Người được suy tôn như “một ông thánh cộng sản”; “một con người của huyền thoại”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng có lần bình luận: Lòng nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất, tốt đẹp nhất trong con người Hồ Chủ tịch.

Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống

Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ. Người đã vượt qua một chuỗi năm tháng vô cùng khó khăn, hai lần ngồi tù, một lần đã nhận án tử hình, có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá rất cao, có giai đoạn bị hiểu nhầm, nghi kỵ, không được giao nhiệm vụ. Song, nhờ ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua thử thách, gian nguy, kiên trì mục đích cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình. Người đã làm thơ để tự răn:

*“Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao”*⁶⁴.

Dũng cảm, quyết tâm, bền bỉ, bất khuất là những đặc trưng trong nhân cách Hồ Chí Minh. Một tờ báo nước ngoài viết: “Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh

⁶³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.4, tr.187.

⁶⁴ Sdd, t.3, tr.305

hùng không có gì uy hiếp nổi”⁶⁵.

Năm là, học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách có liên quan chặt chẽ với đạo đức. “Phong cách Hồ Chí Minh”⁶⁶ là phong cách của một người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, một lãnh tụ thiên tài của Đảng và của dân tộc, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại. Phong cách Hồ Chí Minh cũng là phong cách của một nhà chính trị già dặn, một nhà ngoại giao từng trải, một trí thức uyên bác, một nhà nho sâu sắc của Xứ Nghệ, một hiền triết “đại trí, đại nhân, đại dũng”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*”⁶⁷.

Hồ Chí Minh đã thuyết phục, chinh phục mọi người bằng chính phong cách của mình khi Người còn sống. Sức thuyết phục, chinh phục của phong cách Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục mãi khi Người đã đi xa. Bất cứ ai đã được gặp Người hoặc đã đến tìm hiểu những gì mà cuộc đời thường của Người còn để lại đều cảm nhận *cái vĩ đại, cái bất tử* của Hồ Chí Minh không phải chỉ thuộc về *những tư tưởng lớn, mà còn ở cả phong cách mẫu mực*, mãi mãi như một tấm gương cho nhiều thế hệ. Một *số nội dung cơ bản cần học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh*:

Thứ nhất, học phong cách tư duy, nét đặc sắc nhất của phong cách tư duy Hồ Chí Minh là tinh thần *độc lập, tự chủ và sáng tạo*. Điều này được thể hiện trên các vấn đề: Mọi suy nghĩ của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ thực tế Việt Nam; rộng mở tư duy, nghiên cứu mọi tư tưởng, học thuyết đã có; hướng tầm nhìn ra thế giới, không ngừng học tập nâng cao trình độ văn hoá làm giàu trí tuệ của mình bằng những kiến thức rất phong phú và sâu rộng, đây chính là điều kiện không thể thiếu để có một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh.

Thứ hai, học phong cách làm việc, bao gồm tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học.

Thứ ba, học phong cách diễn đạt, xác định rõ chủ đề, đối tượng, mục đích của việc nói và viết; diễn đạt chân thực, ngắn gọn; trong sáng, giản dị, dễ hiểu.

Thứ tư, học phong cách ứng xử, phong cách ứng xử văn hoá; rất tự nhiên, bình dị, rất cởi mở, chân tình, vừa chủ động, linh hoạt, lại vừa ân cần, tế nhị; yêu thương, quý mến, trân trọng con người.

Thứ năm, học phong cách sinh hoạt, giản dị, thanh đạm, thanh cao; cách sống

⁶⁵ Dẫn theo Trần Văn Giàu: “Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, trong: *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.228

⁶⁶ Dẫn theo Đặng Xuân Kỳ: *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997. 36

⁶⁷ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2012, tr. 10.

chùng mực, điều độ, ngăn nắp; yêu lao động, quý trọng thời gian, chẳng có ham muốn danh lợi cho riêng mình; tình yêu thương con người hòa quyện với tình yêu thiên nhiên.

Trong tình hình hiện nay, đề Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” của sinh viên có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của nhiều nhân tố: sự giáo dục và việc tự bồi dưỡng, rèn luyện của sinh viên; sự nêu gương của mọi người trong xã hội, của bố mẹ trong gia đình, của cán bộ, đảng viên, của các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ quản lý giáo dục và sự hướng dẫn của dư luận xã hội và tính nghiêm minh của pháp luật. Nếu coi thường một trong những nhân tố trên, việc học tập, rèn luyện và làm theo sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn. Sinh viên, tuổi trẻ Việt Nam nguyện thực hiện và làm theo lời Bác Hồ kính yêu: “Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”¹.